

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
GIA VÂN PHÁT**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Huỳnh Thị Trang

Sinh viên thực hiện : Phạm Hoa Tuyết

Mã số sinh viên : 2254010088

Khóa học : 2022 - 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
GIA VÂN PHÁT**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Huỳnh Thị Trang

Sinh viên thực hiện : Phạm Hoa Tuyết

Mã số sinh viên : 2254010088

Khóa học : 2022 - 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập tại Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng và trong thời gian thực hiện khoá luận tốt nghiệp, em đã nhận được nhiều sự quan tâm, chỉ dẫn và hỗ trợ quý báu, góp phần giúp em hoàn thành tốt chương trình học cũng như bài khoá luận này.

Trước tiên, em xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng cùng toàn thể quý thầy cô giảng viên, đặc biệt là các thầy cô thuộc Khoa Kinh Tế. Với sự tận tâm trong giảng dạy và truyền đạt kiến thức, quý thầy cô đã giúp em xây dựng nền tảng chuyên môn vững chắc, tạo tiền đề quan trọng để em có thể tiếp cận và vận dụng kiến thức vào thực tiễn công việc sau này.

Em xin chân thành cảm ơn Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát đã tạo điều kiện cho em được thực tập và làm việc trong môi trường thực tế của doanh nghiệp. Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn đến chị Kế toán cùng toàn thể cán bộ, nhân viên trong công ty đã nhiệt tình hỗ trợ, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt quá trình thực tập, giúp em hiểu rõ hơn về công tác kế toán trong thực tiễn doanh nghiệp.

Đặc biệt em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô Huỳnh Thị Trang, người đã trực tiếp hướng dẫn và đồng hành cùng em trong suốt quá trình thực hiện khoá luận. Những góp ý chi tiết, những nhận xét mang tính định hướng và sự tận tình của cô đã giúp em kịp thời điều chỉnh, bổ sung nội dung để bài khoá luận được hoàn thiện hơn về cả hình thức lẫn nội dung.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn của bản thân còn hạn chế, khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến và chỉ dẫn từ quý thầy cô để em có thể rút ra những kinh nghiệm quý báu, làm hành trang cho con đường học tập và công tác sau này.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC SƠ ĐỒ	vii
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	viii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	ix
LỜI MỞ ĐẦU.....	x
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1
1.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác	1
1.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	1
1.1.1.1. Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	1
1.1.1.2. Phương thức thanh toán	3
1.1.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	3
1.1.1.4. Phương pháp hạch toán	4
1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	5
1.1.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu	5
1.1.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	6
1.1.2.3. Phương pháp hạch toán	7
1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	7
1.1.3.1. Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính	7
1.1.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	7
1.1.3.3. Phương pháp hạch toán	8
1.1.4. Kế toán thu nhập khác	10
1.1.4.1. Khái niệm thu nhập khác	10
1.1.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	10
1.1.4.3. Phương pháp hạch toán	11
1.2. Kế toán chi phí	12
1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	12
1.2.1.1. Khái niệm giá vốn hàng bán.....	12
1.2.1.2. Các phương thức xác định giá vốn	12
1.2.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	13
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán	14

1.2.2. Kế toán chi phí tài chính	14
1.2.2.1. Khái niệm chi phí tài chính.....	14
1.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	14
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	16
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	16
1.2.3.1. Khái niệm chi phí quản lý kinh doanh	16
1.2.3.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	17
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	18
1.2.4. Kế toán chi phí khác	19
1.2.4.1. Khái niệm chi phí khác.....	19
1.2.4.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	19
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	20
1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20
1.2.5.1. Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	20
1.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	22
1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	22
1.3.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh	22
1.3.2. Chỉ tiêu xác định kết quả kinh doanh	22
1.3.3. Chứng từ sử dụng	23
1.3.4. Tài khoản sử dụng	23
1.3.5. Phương pháp hạch toán.....	23
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VÂN PHÁT	24
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát	24
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát	24
2.1.1.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	24
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	24
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát	25
2.1.2.1. Chức năng của công ty.....	25

2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty	25
2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	26
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	26
2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	26
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.....	27
2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát	27
2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	27
2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng kế toán.....	28
2.1.6. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	28
2.1.7. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát	29
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	31
2.2.1. Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	31
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty	31
2.2.1.2. Kế toán giảm trừ doanh thu tại công ty	41
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty.....	42
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại công ty	44
2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	48
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty	48
2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính tại công ty.....	53
2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	53
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác tại công ty.....	64
2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty	64
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	69
CHƯƠNG III: MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VÂN PHÁT	74

3.1. Những nhận xét, đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	74
<i>3.1.1. Nhận xét chung về công ty.....</i>	<i>74</i>
<i>3.1.2. Ưu điểm.....</i>	<i>74</i>
<i>3.1.3. Nhược điểm.....</i>	<i>74</i>
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát.....	75
<i>3.2.2. Về công tác tính giá vốn hàng bán.....</i>	<i>75</i>
<i>3.2.3. Về tổ chức công việc kế toán.....</i>	<i>76</i>
KẾT LUẬN.....	77
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	78
PHỤ LỤC.....	79

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Sổ chi tiết tài khoản 5111	40
Bảng 2.2. Sổ cái TK 511.....	41
Bảng 2.3. Sổ cái TK 515.....	44
Bảng 2.4. Sổ chi tiết tài khoản 711	47
Bảng 2.5. Sổ cái tài khoản 711	48
Bảng 2.6. Sổ chi tiết tài khoản 632	52
Bảng 2.7. Sổ cái tài khoản 632	52
Bảng 2.8. Sổ chi tiết TK 6421.....	58
Bảng 2.9. Sổ chi tiết TK 6422.....	63
Bảng 2.10. Sổ cái TK 642.....	63
Bảng 2.11. Sổ cái tài khoản 911.....	71

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 theo phương thức Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	4
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức trả chậm trả góp.....	4
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi	5
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý	5
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	7
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan	7
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính	9
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán tài khoản thu nhập khác	11
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	14
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	16
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán tài khoản chi phí khác	20
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN	22
Sơ đồ 1.14. Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	23
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	28
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức ghi sổ nhật ký chung	30
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Trí Việt	30

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện Phần mềm Trí Việt.....	30
Hình 2.2. Giao diện đăng nhập hệ thống hóa đơn điện tử VINHOADON	33
Hình 2.3. Giao diện tạo hóa đơn điện tử VINHOADON.....	34
Hình 2.4. Giao diện tạo hóa đơn điện tử VINHOADON.....	35
Hình 2.5. Giao diện tạo hóa đơn điện tử VINHOADON.....	35
Hình 2.6. Hoá đơn GTGT số 880 ngày 17/11/2025.....	36
Hình 2.7. Hoá đơn GTGT số 927 ngày 30/11/2025.....	38
Hình 2.8. Giao diện nhập liệu hoá đơn trên phần mềm	39
Hình 2.9. Phiếu thu tiền gửi.....	43
Hình 2.10. Chứng từ giao dịch ngân hàng.....	43
Hình 2.11. Hoá đơn GTGT số 6083 ngày 31/12/2025	46
Hình 2.12. Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán Trí Việt.....	47
Hình 2.13. Phương pháp tính giá xuất kho.....	49
Hình 2.14. Phiếu xuất kho số 880	51
Hình 2.15. Phiếu xuất kho số 927	51
Hình 2.16. Hoá đơn GTGT số 409176 ngày 25/12/2025	54
Hình 2.17. Giao diện nhập liệu vào phần mềm Trí Việt.....	55
Hình 2.18. Giao diện phiếu chi tiền mua dầu theo HĐ số 409176	55
Hình 2.19. Trích bảng phân bổ khấu hao TSCĐ	56
Hình 2.20. Giao diện phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ	56
Hình 2.21. Bảng thanh toán tiền lương tháng 12 năm 2025.....	57
Hình 2.22. Giao diện hạch toán tiền lương tháng 12 năm 2025 trên phần mềm Trí Việt	57
Hình 2.23. Hoá đơn GTGT số 130534 ngày 2/12/2025	60
Hình 2.24. Giao diện hạch toán tiền cước dịch vụ viễn thông trên Trí Việt.....	61
Hình 2.25. Phiếu chi tiền cước dịch vụ viễn thông theo HĐ 130534	61
Hình 2.26. Giao diện hạch toán chi phí ngân hàng trên phần mềm Trí Việt	62

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung
GTGT	Giá trị gia tăng
TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
TSCĐ	Tài sản cố định
CCDC	Công cụ dụng cụ
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
BH	Bán hàng
CCDV	Cung cấp dịch vụ
Công ty TNHH MTV	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên
BTC	Bộ tài chính
TT	Thông tư
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TK	Tài khoản
HĐ	Hoá đơn
LN	Lợi nhuận

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh thị trường nước giải khát tại thành phố Đà Nẵng ngày càng cạnh tranh gay gắt, việc quản lý hiệu quả doanh thu, chi phí và dòng tiền đóng vai trò quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại phân phối. Đối với Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát, công tác kế toán không chỉ phục vụ yêu cầu ghi chép và phản ánh số liệu mà còn là công cụ hỗ trợ doanh nghiệp kiểm soát hoạt động kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động trong từng giai đoạn.

Qua thời gian thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được tổ chức tương đối đầy đủ và phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp. Việc ghi nhận doanh thu từ hoạt động phân phối các sản phẩm nước khoáng, nước giải khát được thực hiện khá chặt chẽ, đồng thời các khoản chi phí phát sinh cũng được theo dõi và kiểm soát nhằm đảm bảo phản ánh chính xác kết quả kinh doanh trong kỳ. Đây là cơ sở quan trọng giúp nhà quản lý đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra các định hướng kinh doanh phù hợp.

Xuất phát từ thực tiễn đó, em lựa chọn đề tài “ Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát ” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Thông qua quá trình nghiên cứu, em mong muốn tìm hiểu rõ hơn về thực trạng công tác kế toán tại đơn vị, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác

1.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.1.1. Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Khái niệm doanh thu:**

Theo quy định tại Điều 56, Thông tư 133/2016/TT-BTC: Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu:**

Theo quy định tại Điều 57, Thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện nhất định như sau:

a) Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện này ngăn chặn việc doanh nghiệp ghi nhận doanh thu ảo khi hàng hoá vẫn nằm trong tầm kiểm soát của doanh nghiệp. Việc xác định thời điểm chuyển giao rủi ro (thường là khi kí biên bản giao nhận) là cơ sở để thực hiện nguyên tắc Thận trọng trong kế toán.

b) Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn

các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

=> Tựu chung lại, các điều kiện ghi nhận doanh thu theo Thông tư 133 là sự cụ thể hoá của hai nguyên tắc kế toán cơ bản: Cơ sở dồn tích và Phù hợp

- Thứ nhất: Doanh thu chỉ được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế đã thực sự thuộc về doanh nghiệp (dồn tích), không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa
- Thứ hai: Việc yêu cầu xác định rõ chi phí liên quan đồng thời với doanh thu giúp đảm bảo kết quả kinh doanh trong kỳ không bị sai lệch (phù hợp)

Việc tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện này không chỉ giúp doanh nghiệp phản ánh trung thực tình hình tài chính mà còn là cơ sở pháp lý quan trọng để xác định nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

• **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu: Việc ghi nhận doanh thu tại doanh nghiệp cần tuân thủ các nguyên tắc cốt lõi sau:**

- Nguyên tắc Cơ sở dồn tích: Doanh thu phải được ghi nhận tại thời điểm phát sinh giao dịch, có bằng chứng chắc chắn về việc chuyển giao rủi ro và lợi ích, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền
- Nguyên tắc Phù hợp: Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó (giá vốn hàng bán, chi phí dịch vụ)
- Nguyên tắc Thận trọng: Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu khi có bằng chứng khách quan và lợi ích kinh tế là chắc chắn. Trường hợp còn tồn tại các yếu tố rủi ro đáng kể hoặc quyền trả lại hàng chưa xác định được, doanh thu phải được hoãn lại.

Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba: Ví dụ như Thuế GTGT (phương pháp khấu trừ), Thuế xuất khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt... Các khoản này phải được tách ra khỏi doanh thu thuần

1.1.1.2. Phương thức thanh toán

- Phương thức thanh toán trực tiếp: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được thực hiện ngay khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa. Việc thực hiện thanh toán trực tiếp có thể bằng tiền mặt, ngân phiếu, séc hoặc có thể bằng hàng hóa. Đối với những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay, những khách hàng mua hàng với số lượng ít, không thường xuyên hoặc khách hàng mới.

- Phương thức thanh toán trả chậm: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển giao sau một khoảng thời gian so với thời điểm chuyển quyền sở hữu về hàng hóa, do đó hình thành khoản công nợ phải thu khách hàng. Nợ phải thu cần được hạch toán quản lý chi tiết cho từng đối tượng phải thu và ghi chép theo từng lần thanh toán, ở thích thức này, sự vận động của hàng hóa và tiền tệ có khoảng cách về không gian và thời gian.

- Phương thức thanh toán trả trước: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển giao trước thời điểm nhận hàng hóa. Phương thức này thường được áp dụng cho những khách hàng có nhu cầu đặt mua một lúc với số lượng lớn mà công ty không thể đáp ứng được.

- + Trước ngày 01/07/2025 trường hợp đối với khách hàng là doanh nghiệp và cá nhân, các hóa đơn có giá trị trên 20.000.000 VNĐ bắt buộc áp dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.
- + Kể từ sau ngày 01/07/2025, quy định này được áp dụng đối với các hóa đơn có giá trị trên 5.000.000 VNĐ

1.1.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - + Đơn đặt hàng
 - + Hợp đồng kinh tế
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra
 - + Phiếu thu, giấy báo có.
- Tài khoản sử dụng

Căn cứ theo quy định tại Điều 57 Thông tư 133/2016/TT-BTC, tài khoản 511 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm 4 tài khoản cấp 2 sau:

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

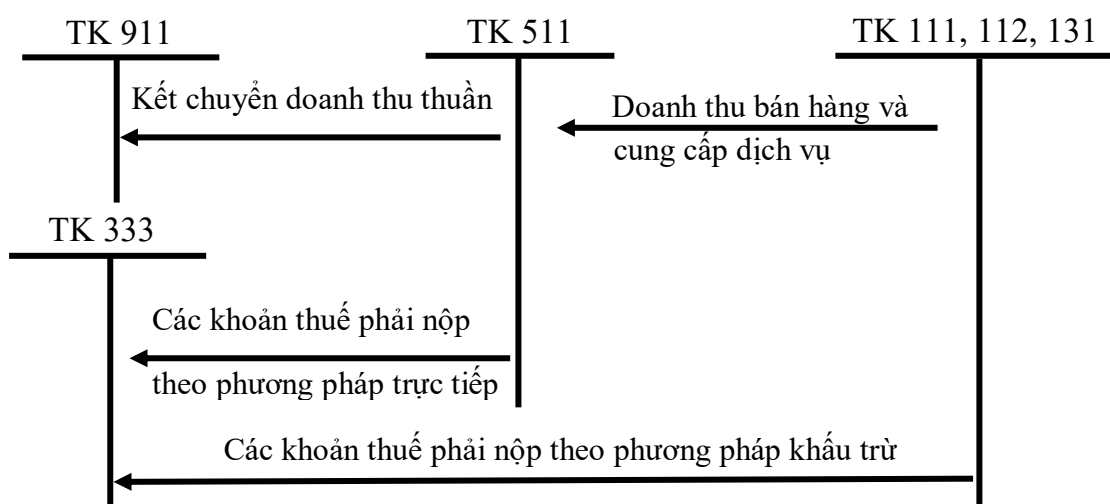
Tài khoản 5118 - Doanh thu khác.

Kết cấu Tài khoản 511

Nợ	Tài khoản 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT) - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán
TK 511: không có số dư cuối kỳ		

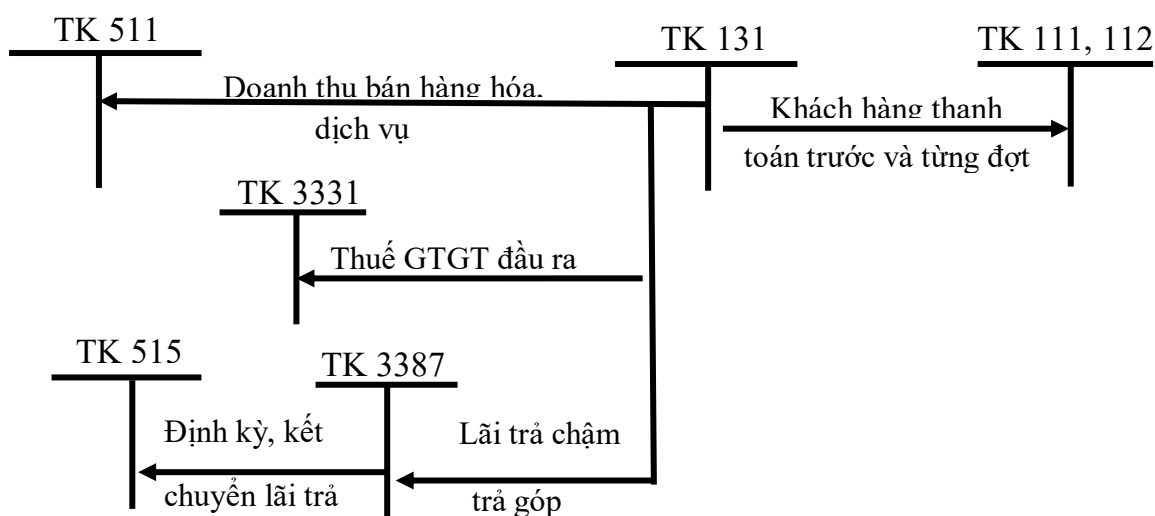
1.1.1.4. Phương pháp hạch toán

a. Doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 theo phương thức Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

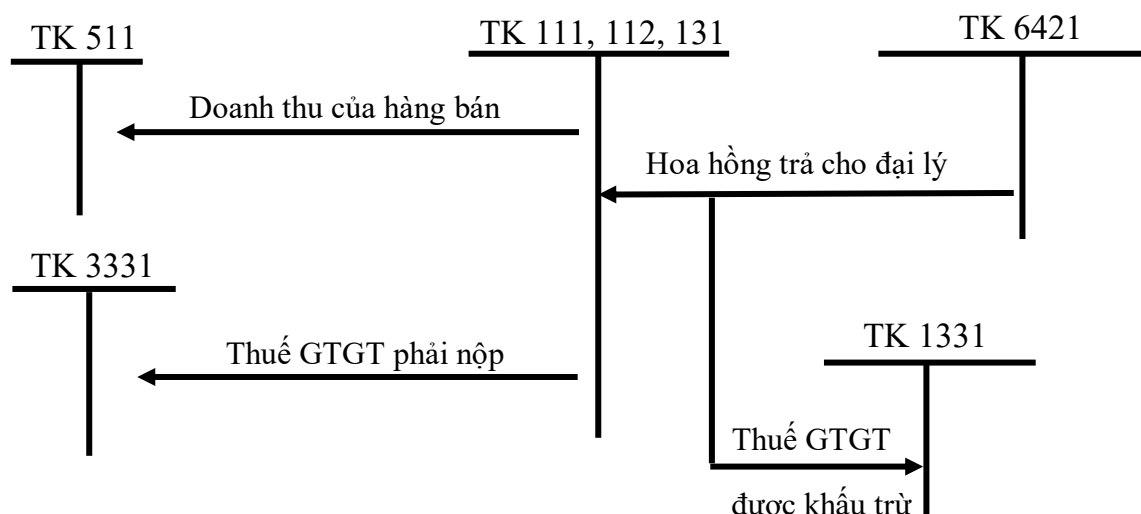
b. Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức trả chậm trả góp

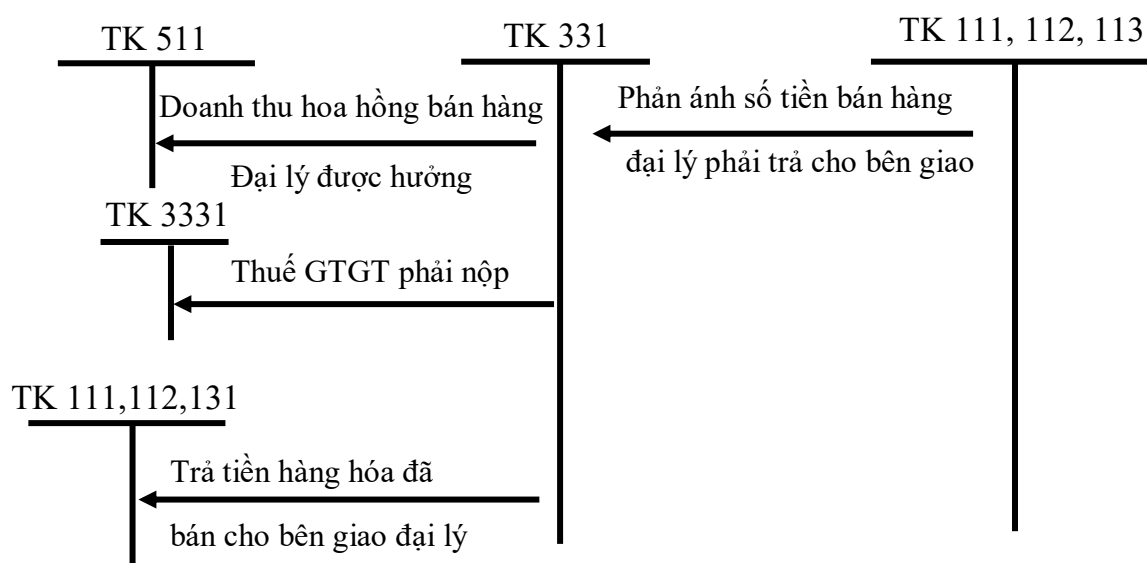
c. Bán hàng theo phương thức qua đại lý, ký gửi

- Doanh nghiệp giao đại lý ký gửi



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi

- Doanh nghiệp nhận làm đại lý



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý

1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Theo quy định tại điều 57 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại

đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách, chủng loại,...

1.1.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng:**

- Đối với chiết khấu thương mại, các chứng từ kế toán bao gồm:
 - + Văn bản về chính sách chiết khấu thương mại
 - + Hợp đồng kinh tế
 - + Biên bản chiết khấu thương mại
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi
 - + Phiếu giao hàng
- Đối với hàng bán bị trả lại, các chứng từ kế toán bao gồm:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu nhập kho
 - + Phiếu chi
 - + Giấy báo nợ
 - + Hợp đồng kinh tế
 - + Hợp đồng bán hàng (nếu có)
 - + Văn bản đề nghị trả lại hàng hóa
- Đối với giảm giá hàng bán, các chứng từ kế toán bao gồm:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu giao hàng
 - + Hợp đồng kinh tế
 - + Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán, Biên bản giảm giá hàng bán

- **Tài khoản sử dụng:**

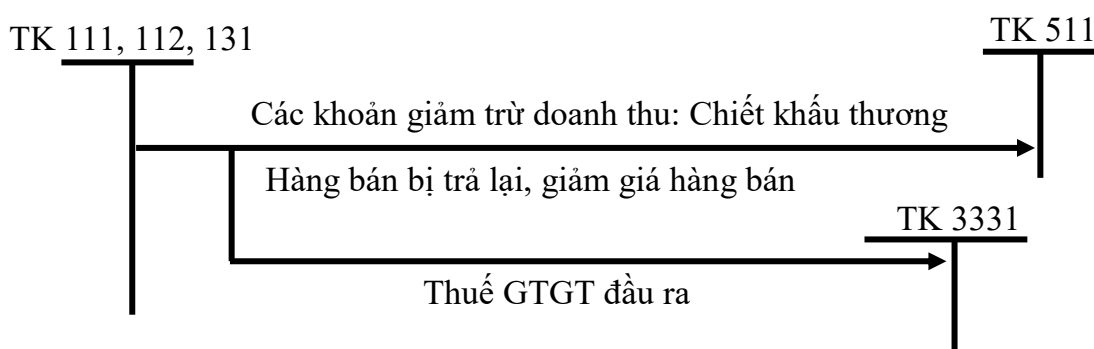
Các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".

Kết cấu Tài khoản 511

Nợ	Tài khoản 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT) - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán
TK 511: không có số dư cuối kỳ		

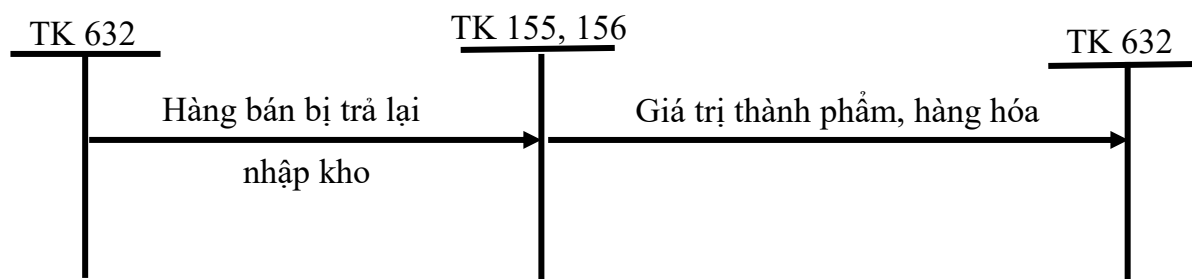
1.1.2.3. Phương pháp hạch toán

❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Kế toán các chi phí liên quan: Nhận lại sản phẩm, hàng hóa



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.3.1. Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính

Theo điều 58 Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

1.1.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

• Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế; Biên bản thanh lý hợp đồng

- Giấy báo có; Sổ phụ ngân hàng; Sao kê ngân hàng; Phiếu thu

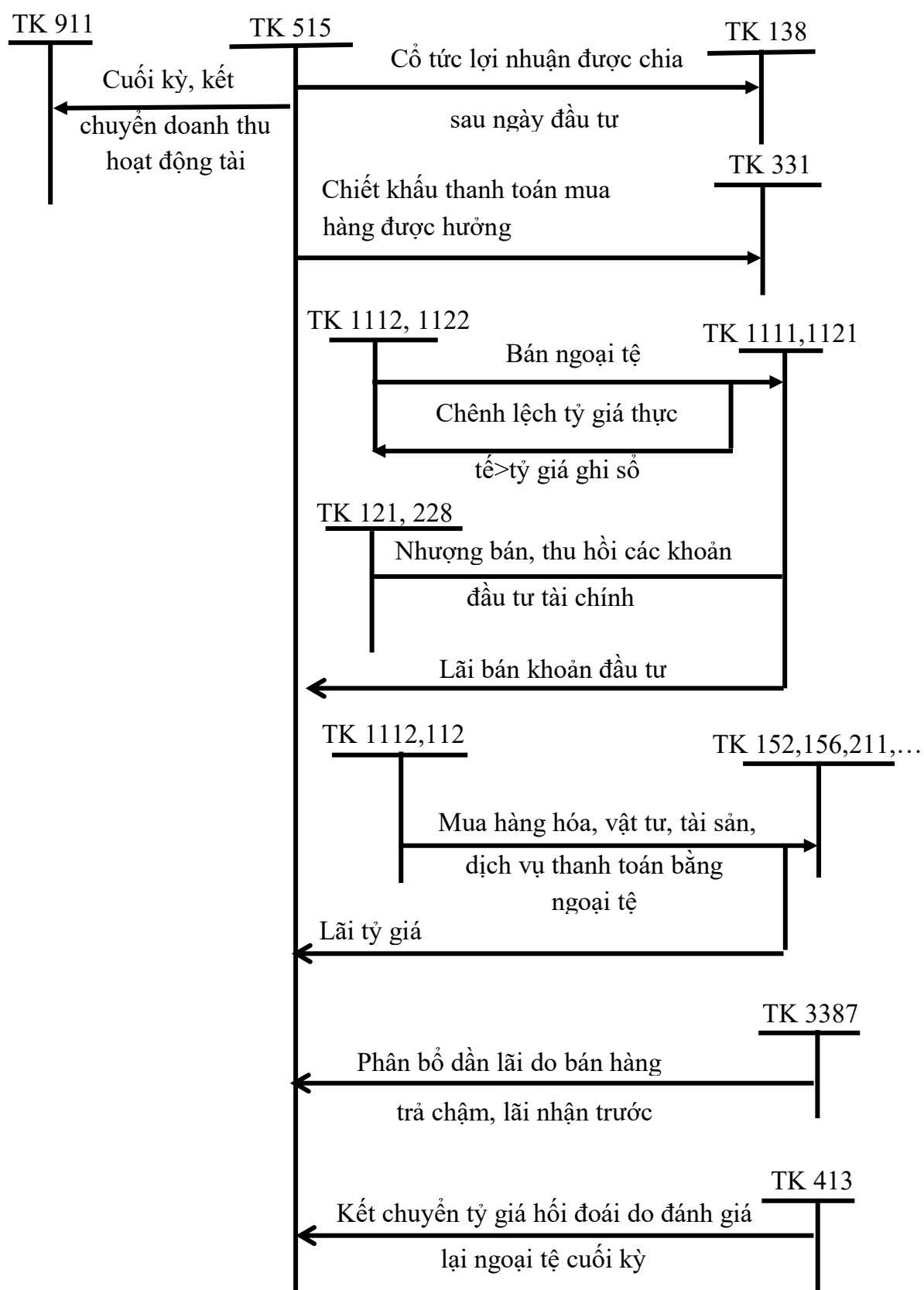
- **Tài khoản sử dụng**

Kế toán sử dụng Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

Kết cấu tài khoản

Nợ	Tài khoản 515	Có
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 (Xác định kết quả kinh doanh)		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
TK 515: không có số dư cuối kỳ		

1.1.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.4. Kế toán thu nhập khác

1.1.4.1. Khái niệm thu nhập khác

Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT-BTC

Kế toán thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu;
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.;

1.1.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có, Hóa đơn GTGT, Phiếu thu
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Biên bản giao nhận, thanh lý TSCĐ

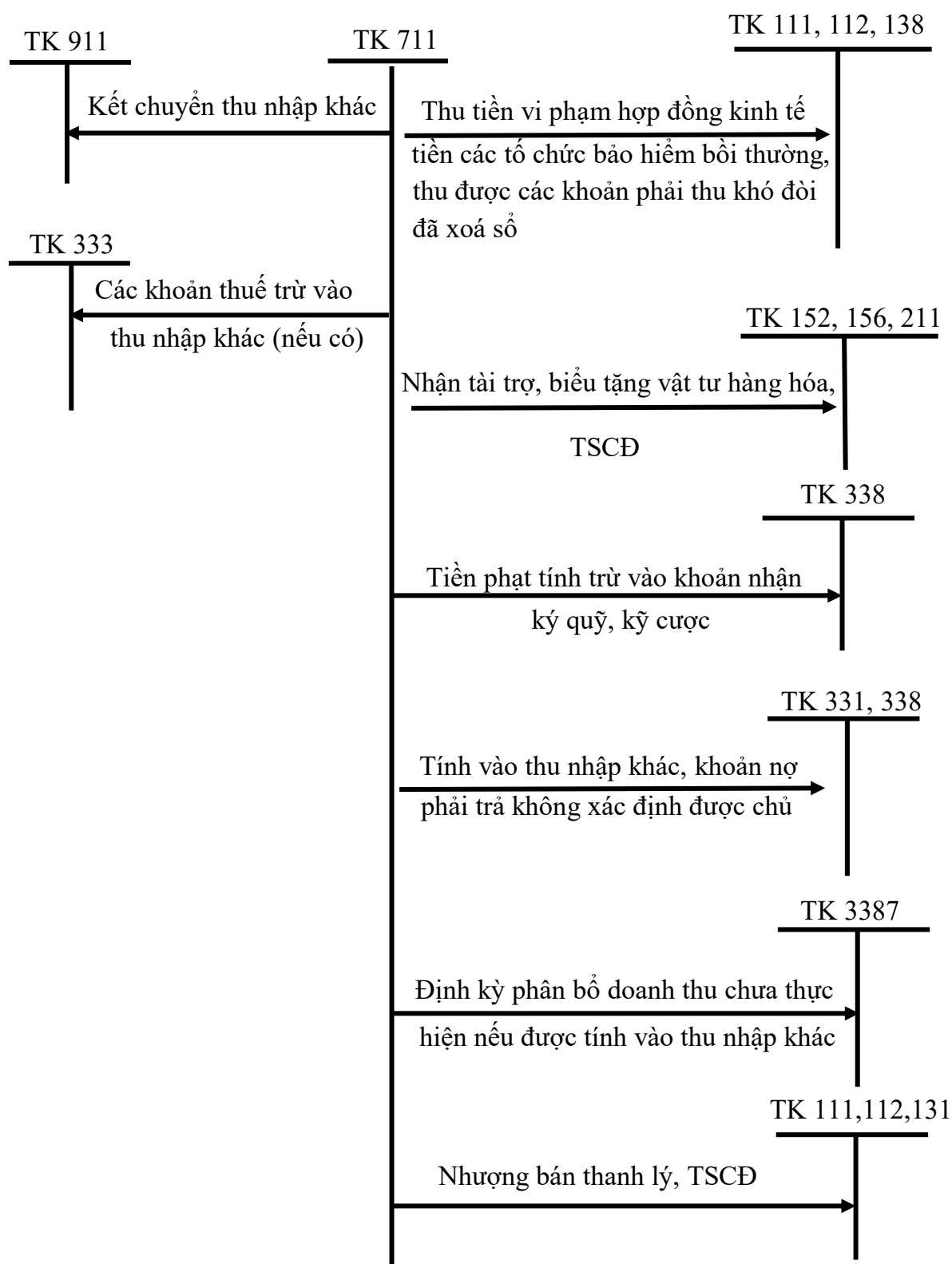
Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng, để hạch toán thu nhập khác là Tài khoản 711.

Kết cấu tài khoản

Nợ	Tài khoản 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		
TK 711: không có số dư cuối kỳ		

1.1.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán tài khoản thu nhập khác

1.2. Kế toán chi phí

1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.1.1. Khái niệm giá vốn hàng bán

Theo khoản 1 Điều 62 Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, hoặc bất động sản đầu tư đã tiêu thụ bán ra trong kỳ kế toán. Bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí thu mua, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hàng hóa, dịch vụ đã bán ra. Khi xuất bán phải đánh theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán

1.2.1.2. Các phương thức xác định giá vốn

Theo quy định tại điều 22 của thông tư 133/2016/TT-BTC: Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định giá vốn hàng bán:

- Phương pháp tính theo giá đích danh: Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.
- Phương pháp bình quân gia quyền:
 - + Theo phương pháp giá bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp
 - + Tùy thuộc vào hệ thống quản lý hàng tồn kho tại doanh nghiệp mà áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hay phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Công thức:

$\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho } i$	$=$	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn đầu kỳ}}$	$+$	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$
			$+$	

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm) giá xuất kho hàng hoá được tính sau từng lô hàng nhập về. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập n	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập n} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập kho lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho lần thứ n}}$
--	---	---

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): Phương pháp nhập trước, xuất trước được áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn được mua hoặc được sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Tức là hàng nào nhập trước thì ưu tiên xuất trước và cuối kỳ số hàng tồn còn lại trong kho thì có giá trị của hàng nhập gần hoặc cuối kỳ

1.2.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp phiếu nhập xuất tồn

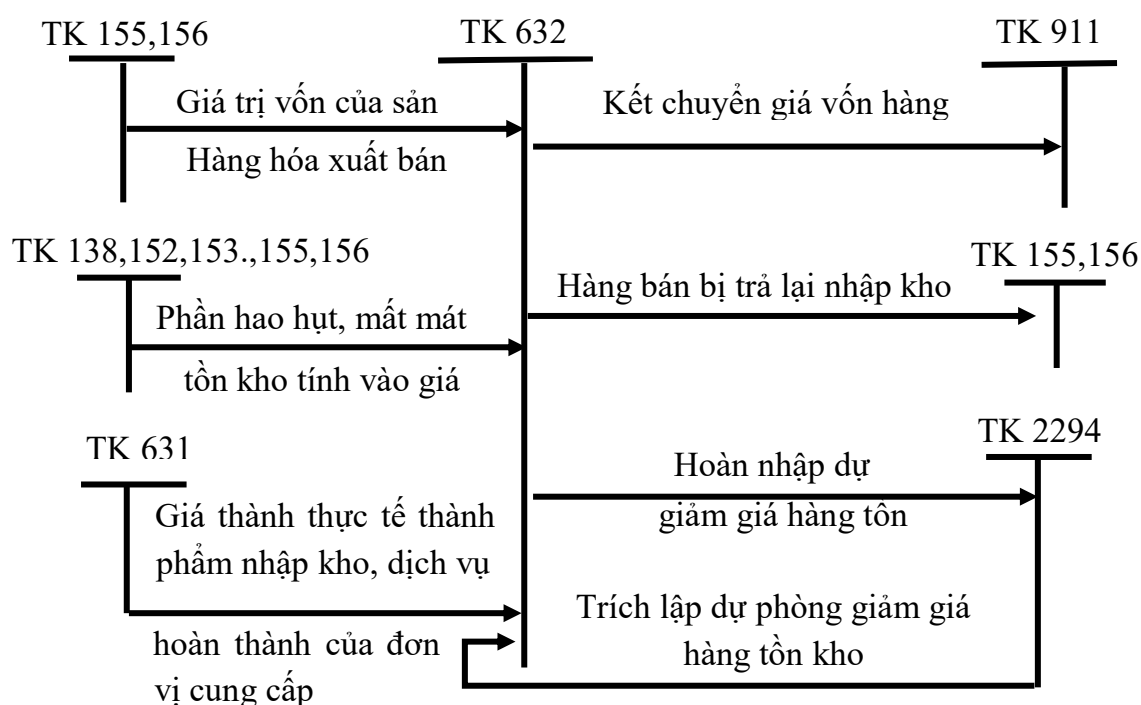
- **Tài khoản sử dụng**

Theo *Thông tư 133/2016/TT-BTC*, để phản ánh giá vốn hàng bán kế toán sử dụng tài khoản 632 “ giá vốn hàng bán “

Kết cấu tài khoản

Nợ	Tài khoản 632	Có
+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ; + Chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; + Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)		+ Trị giá vốn của hàng bán bị trả lại; + Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
TK 632 : không có số dư cuối kì		

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.2. Kế toán chi phí tài chính

1.2.2.1. Khái niệm chi phí tài chính

Theo quy định tại điều 63 của thông tư 133/2016/TT-BTC:

Chi phí tài chính này phản ánh những khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất tính đầu tư vào đơn vị khác;

1.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Sao kê ngân hàng, Sổ phụ ngân hàng, Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ
- Phiếu chi, Bảng tính lãi vay

❖ Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"

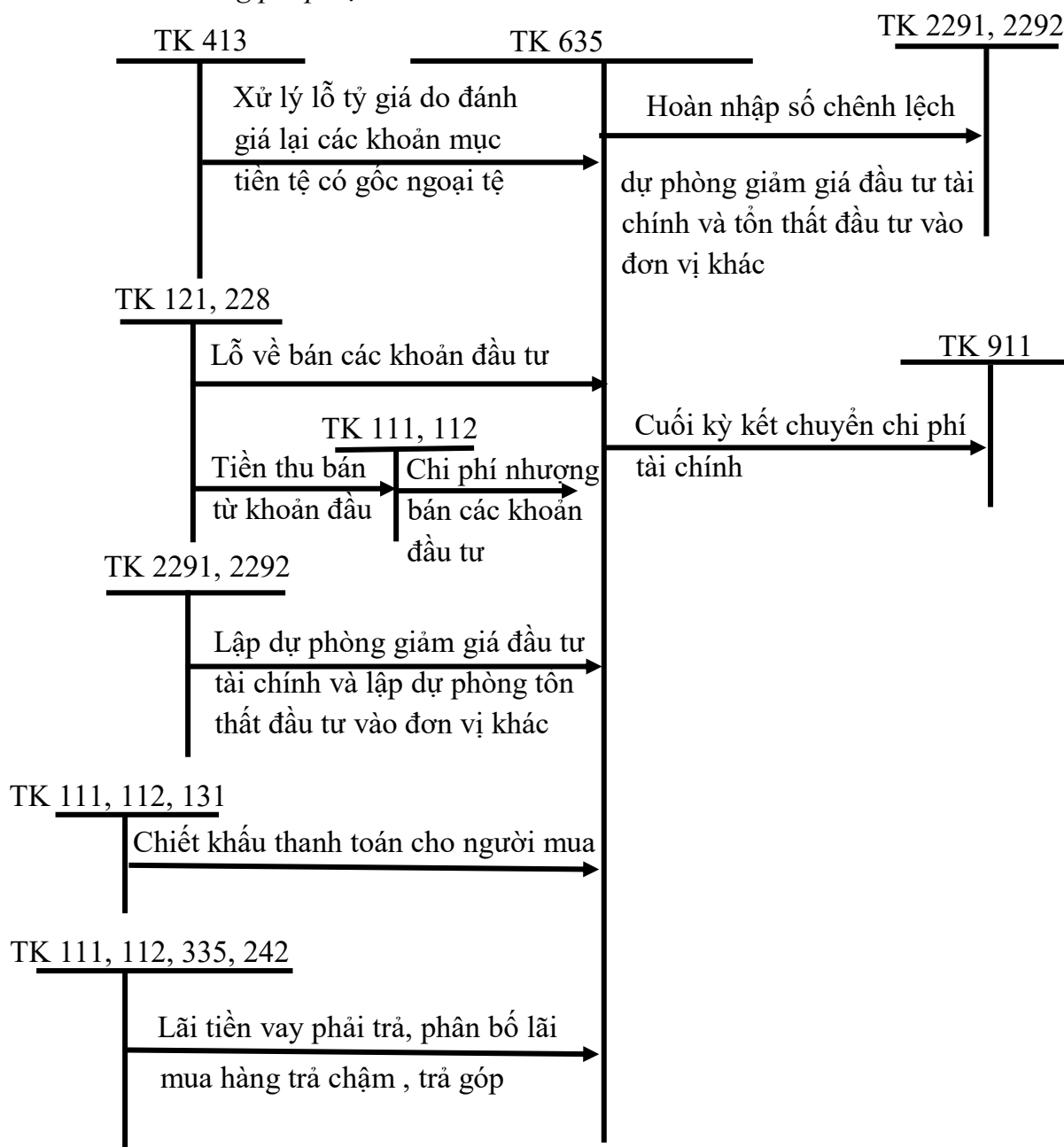
- Tài khoản 635 – “ Chi phí tài chính “: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí như chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh.

- Tài khoản này không có tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ

Kết cấu tài khoản

Nợ	Tài khoản 635	Có
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
TK 635 : không có số dư cuối kì		

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Khái niệm chi phí quản lý kinh doanh

Theo quy định tại điều 64 của Thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- + Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo

quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,..) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

- + Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,..); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

1.2.3.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng, ...
- Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng
- Bảng tính lương và thanh toán tiền lương, Bảng chấm công
- Thông báo nộp BHXH, BHYT, BHTN
- Bảng tính trích khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC
- Hóa đơn điện, nước, internet, điện thoại
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

- **Tài khoản sử dụng**

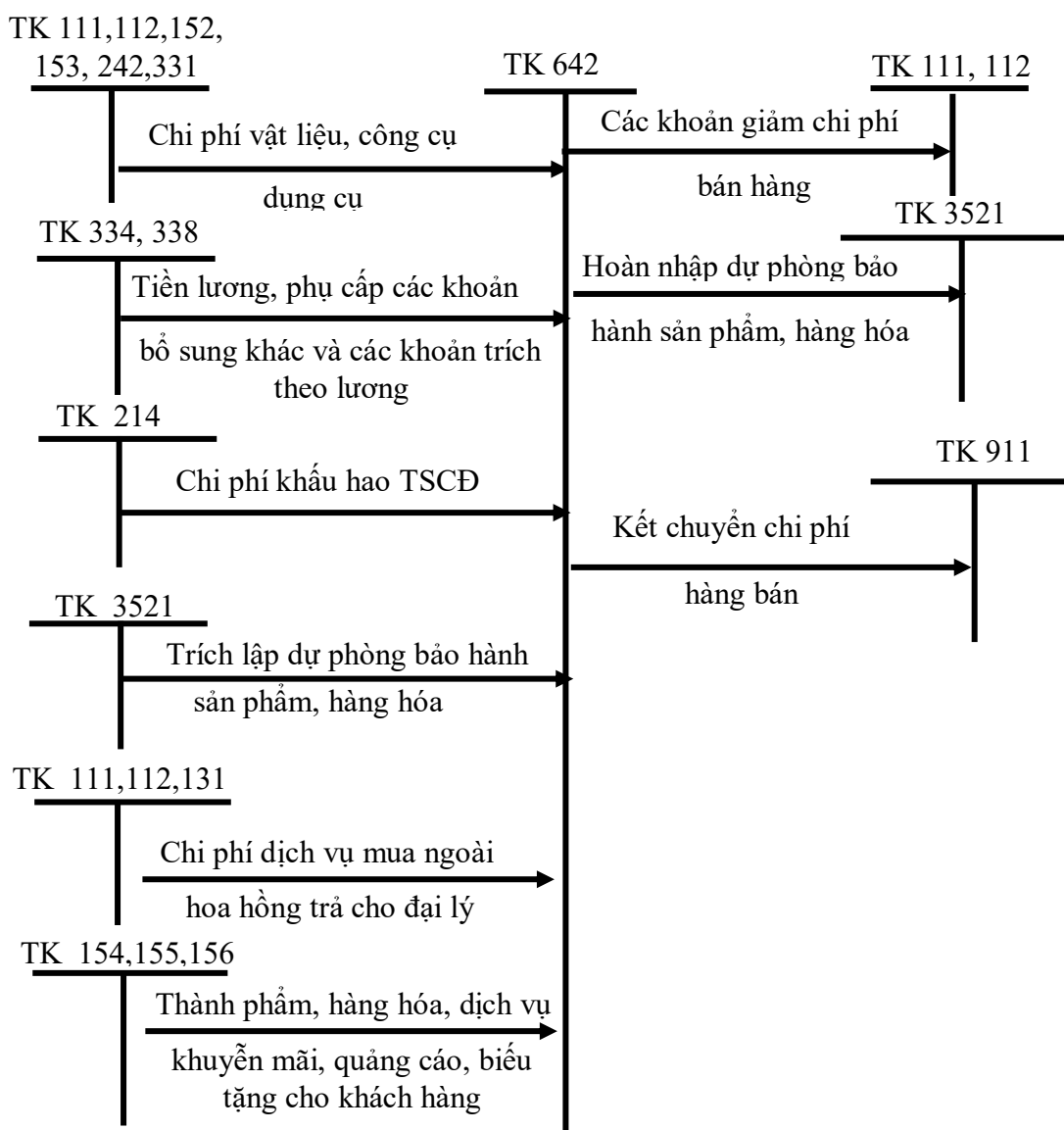
Tài khoản 642 – “ Chi phí quản lý kinh doanh “ có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Nợ	Tài khoản 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"
TK 642 : không có số dư cuối kỳ		

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4. Kế toán chi phí khác

1.2.4.1. Khái niệm chi phí khác

Tại khoản 1 Điều 66 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về chi phí khác như sau:

- Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:
 - + Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
 - + Giá trị còn lại của tài sản cố định bị phá dỡ;
 - + Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (nếu có).
 - + Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.
 - + Các khoản chi phí khác.

1.2.4.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng**

- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi

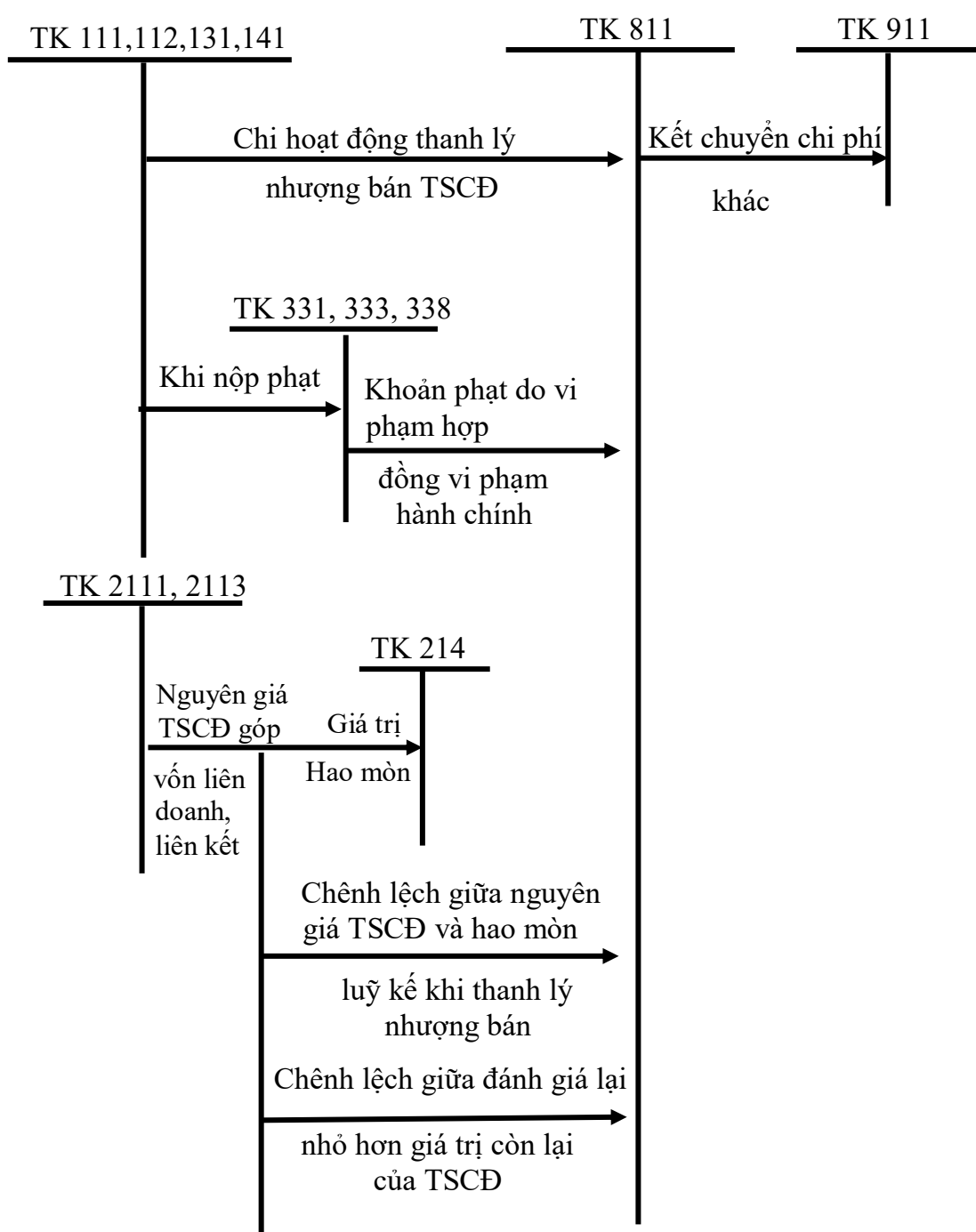
- **Tài khoản sử dụng**

Căn cứ tại khoản 2 Điều 66 Thông tư 133/2016/TT-BTC, đề hạch toán TK 811 “chi phí khác” không có tài khoản cấp 2

Kết cấu tài khoản

Nợ	Tài khoản 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	
TK 811 : không có số dư cuối kỳ		

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán tài khoản chi phí khác

1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.5.1. Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại điều 67 của thông tư 133/2016/TT-BTC

- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số

thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập chịu thuế	=	(Doanh thu – Chi phí + các khoản thu nhập khác được trừ)
--------------------	---	--

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	(Thu nhập được miễn thuế + các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)
--------------------	---	--------------------	---	--

Thuế TNDN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế x thuế suất thuế TNDN
--------------------	---	--

1.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng**

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)
- Thông báo nộp thuế và biên lai nộp thuế
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

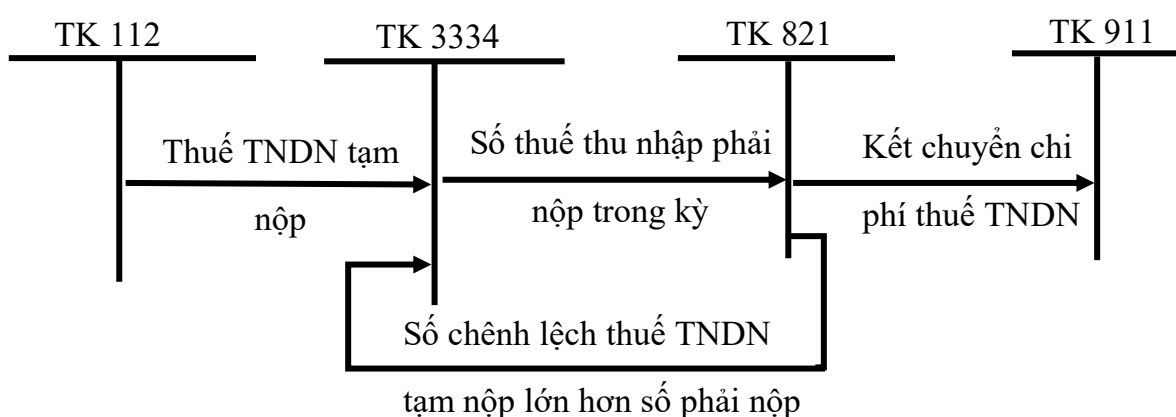
- **Tài khoản sử dụng**

Theo quy định của **thông tư 133/2016/TT-BTC**, để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng Tài khoản 821 " Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp".

Kết cấu tài khoản

Nợ	Tài khoản 821	Có
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm; - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.		- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm; - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
TK 821 : không có số dư cuối kỳ		

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN

1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Theo điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

1.3.2. Chỉ tiêu xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh được xác định theo công thức:

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN – Chi phí thuế TNDN
----------------------------	---	---

Trong đó, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN được xác định theo công thức:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	=	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác
---	---	--

- Chi phí thuế TNDN được xác định theo công thức:

Chi phí thuế TNDN	=	Thu nhập tính thuế x Thuế suất thuế TNDN
-------------------	---	--

Trong đó, lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (kết quả hoạt động kinh doanh) được xác định theo công thức:

Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	=	Doanh thu thuần BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh
---	---	----------------------------------	---	---------------------------	---	--	---	-------------------------	---	-------------------------------------

- Lợi nhuận khác (kết quả hoạt động khác) được tính theo công thức:

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
----------------	---	---------------	---	--------------

Trong đó, Doanh thu thuần về BH và CCDV được xác định theo công thức:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
--	---	-------------------------	---	---------------------------------

1.3.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Phiếu kết chuyển

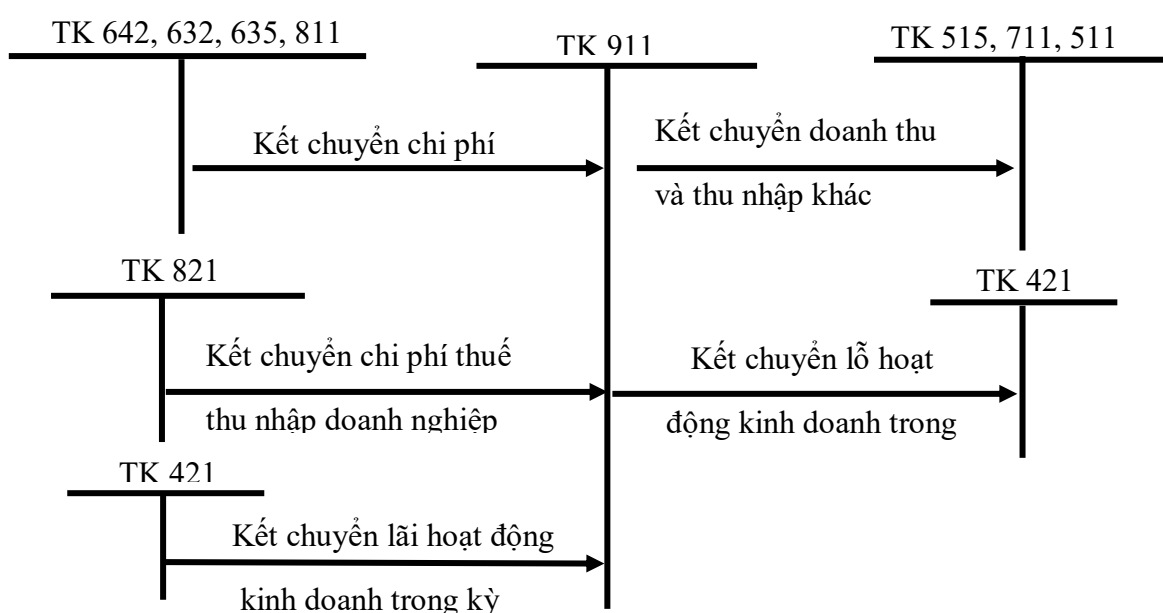
1.3.4. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán xác định kết quả kinh doanh là Tài khoản 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

Kết cấu tài khoản

Nợ	Tài khoản 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.	
TK 911 : không có số dư cuối kì		

1.3.5. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14. Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VÂN PHÁT

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

2.1.1.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát là một tổ chức kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ, thực hiện hoạt động cung ứng sản phẩm đến khách hàng thông qua hệ thống phân phối tại khu vực thành phố Đà Nẵng. Doanh nghiệp được đăng ký hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, với thông tin pháp lý và đặc điểm nhận diện như sau:

- Tên tiếng việt: Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát
- Tên quốc tế: Gia Van Phat Service And Trading Company Limited
- Lĩnh vực kinh doanh: Phân phối, cung cấp nước khoáng đóng bình, đóng chai
- Địa chỉ trụ sở: 49 Trịnh Lỗi, Phường Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng, Việt Nam
- Mã số thuế: 0401782481
- Ngày cấp: 09/08/2016
- Loại hình pháp lý: Công ty TNHH một thành viên
- Năm thành lập: 09/08/2016
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hữu Minh
- Điện thoại: 0905835377
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Nước khoáng đóng bình, nước ngọt, nước giải khát)

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát được thành lập vào ngày 09/08/2016, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước khoáng Thạch Bích, nước ngọt, nước giải khát nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước uống của người dân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Doanh nghiệp được thành lập với định hướng cung cấp các sản phẩm nước khoáng có chất lượng ổn định, an toàn và thuận tiện cho người sử dụng.

Giai đoạn 2016 – 2018 (Giai đoạn khởi đầu và ổn định hoạt động):

Sau khi thành lập, doanh nghiệp tập trung xây dựng bộ máy tổ chức, từng bước hoàn thiện quy trình giao nhận hàng hóa và quản lý kho. Trong giai đoạn này, công ty chủ yếu phục vụ khách hàng tại khu vực nội thành Đà Nẵng, đồng thời thiết lập quan hệ ban đầu với các nhà cung cấp và khách hàng cố định.

Giai đoạn 2019 – 2021 (Mở rộng thị trường và mạng lưới phân phối):

Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường bằng việc mở rộng thêm các tuyến giao hàng, tăng số lượng điểm giao nhận và đại lý phân phối. Bên cạnh đó, doanh nghiệp bắt đầu đa dạng hóa sản phẩm nước khoáng đóng bình, đóng chai nhằm đáp ứng nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng khác nhau. Đây cũng là giai đoạn công ty từng bước chuẩn hóa hồ sơ kế toán, chứng từ và quy trình quản lý bán hàng.

Giai đoạn 2022 – 2025 (Nâng cao chất lượng dịch vụ và ứng dụng công nghệ):

Doanh nghiệp tập trung cải tiến chất lượng phục vụ, thời gian giao hàng và chăm sóc khách hàng, đồng thời tăng cường ứng dụng phần mềm trong quản lý đơn hàng, kế toán – tài chính và theo dõi công nợ. Việc áp dụng công nghệ giúp nâng cao hiệu quả vận hành và hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp tốt hơn.

Trong giai đoạn tới, Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát định hướng tiếp tục mở rộng phạm vi phân phối ra khu vực ngoại thành và các tỉnh lân cận, phát triển hệ thống đại lý, củng cố uy tín thương hiệu, đồng thời chú trọng mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

2.1.2.1. Chức năng của công ty

Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Gia Vân Phát là đơn vị chuyên doanh trong lĩnh vực phân phối các sản phẩm nước giải khát và nước khoáng Thạch Bích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Chức năng trọng tâm của Công ty là tổ chức cung ứng và lưu thông các dòng sản phẩm chủ lực từ thương hiệu Thạch Bích như: nước khoáng đóng bình, đóng chai, Chanh muối Pet, Gaz Pet, Ngọt Pet và các sản phẩm Ga thủy tinh. Công ty đóng vai trò cầu nối thương mại quan trọng, đưa sản phẩm từ nhà sản xuất đến tận tay người tiêu dùng cuối cùng thông qua hệ thống bán lẻ và kênh phân phối sỉ. Hoạt động của Công ty không chỉ nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận, phát triển quy mô doanh nghiệp mà còn góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng, phục vụ sức khỏe cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty

Về hoạt động kinh doanh: Xây dựng chiến lược phân phối hiệu quả để tiếp cận

đa dạng đối tượng khách hàng, từ người tiêu dùng nhỏ lẻ đến các doanh nghiệp, văn phòng, cửa hàng và đại lý trên toàn thành phố Đà Nẵng; đảm bảo cung ứng kịp thời các dòng sản phẩm Gaz và nước khoáng theo yêu cầu thị trường.

Về quản lý tài chính: Thực hiện nghiêm túc công tác hạch toán kế toán; kiểm soát chặt chẽ quy trình ghi nhận doanh thu, quản lý chi phí vận hành và xác định chính xác kết quả kinh doanh nhằm bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước.

Về chất lượng dịch vụ: Đảm bảo quy trình lưu kho và vận chuyển các sản phẩm nước giải khát (đặc biệt là các sản phẩm vỏ chai thủy tinh) đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, giữ gìn uy tín thương hiệu và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho khách hàng.

Về quản lý nguồn lực: Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ nhân viên; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và có chính sách đãi ngộ xứng đáng cho người lao động.

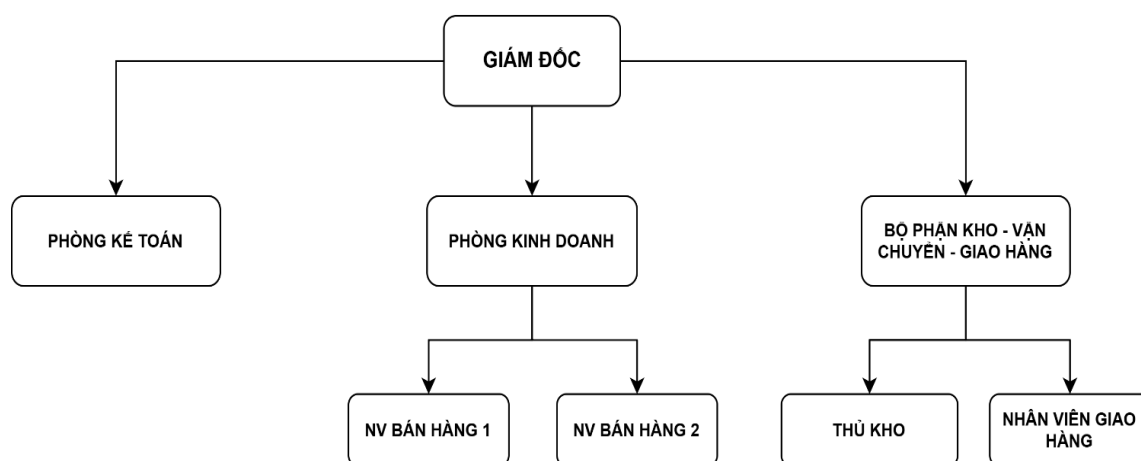
Về trách nhiệm pháp lý: Chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong kinh doanh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường tại kho bãi và văn phòng.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến – chức năng, bảo đảm tính tập trung trong chỉ đạo và hiệu quả trong điều hành. Giám đốc giữ vai trò lãnh đạo cao nhất và chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các bộ phận chức năng như kế toán, kinh doanh và kho – vận chuyển được phân định rõ nhiệm vụ, phối hợp theo quy trình thống nhất nhằm đảm bảo tính liên kết, kiểm soát và hiệu quả trong quá trình tổ chức và phân phối hàng hóa. Và do quy mô hoạt động chưa lớn, một nhân sự có thể kiêm nhiệm nhiều phần hành.



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

(1) Giám đốc: trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh nước khoáng của công ty; định hướng thị trường phân phối, nhóm khách hàng trọng điểm và kế hoạch mở rộng địa bàn tiêu thụ. Giám đốc theo dõi doanh thu, chi phí vận chuyển và công nợ khách hàng; phê duyệt bảng giá, chính sách chiết khấu; quyết định đầu tư phương tiện, mở rộng điểm giao hàng và bổ sung nhân sự, đồng thời đánh giá hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận thông qua các báo cáo định kỳ.

(2) Phòng kinh doanh: Có chức năng tổ chức hoạt động bán hàng và quản lý hệ thống phân phối nước khoáng theo từng khu vực giao hàng. Bộ phận này tiếp nhận và xử lý đơn hàng, lập kế hoạch và phân tuyến giao hàng, theo dõi doanh thu và tình trạng thanh toán của khách hàng, đồng thời phối hợp với bộ phận kho và kế toán trong việc giao hàng và đối chiếu doanh thu, công nợ theo định kỳ.

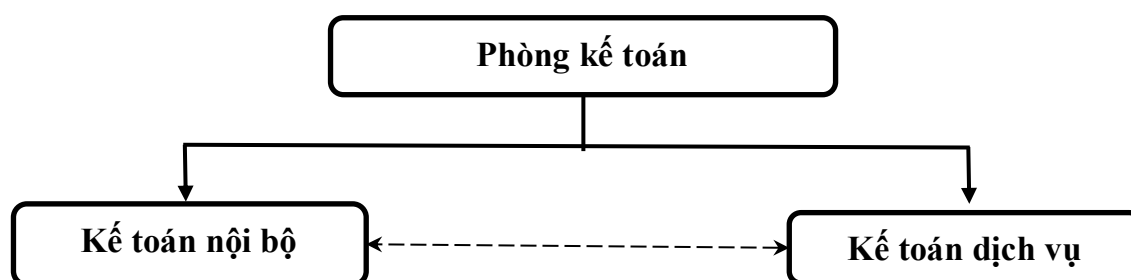
(3) Bộ phận Kho: Có nhiệm vụ quản lý, bảo quản và xuất – nhập nước khoáng theo đúng quy định của công ty. Bộ phận này thực hiện kiểm tra số lượng, chủng loại hàng hóa khi nhập kho; sắp xếp, bảo quản hàng hóa; xuất hàng theo đơn giao và phối hợp với kế toán trong việc theo dõi tồn kho, kiểm kê định kỳ.

(4) Bộ phận Kế toán: Có chức năng tổ chức thực hiện công tác kế toán và quản lý tài chính tại công ty. Bộ phận này thực hiện ghi nhận, theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; quản lý doanh thu, chi phí, công nợ và hàng tồn kho; lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định, đồng thời cung cấp thông tin kế toán phục vụ công tác quản lý và điều hành của Ban Giám đốc.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Phòng kế toán được minh họa theo sơ đồ dưới đây.



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng kế toán

(1) Kế toán nội bộ: Kế toán nội bộ thực hiện công tác kế toán phát sinh hằng ngày tại công ty. Cụ thể, kế toán nội bộ theo dõi doanh thu bán nước khoáng theo từng tuyến giao hàng; lập và kiểm tra chứng từ bán hàng, phiếu thu – chi, phiếu nhập – xuất kho; theo dõi công nợ khách hàng, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng; kiểm soát tình hình nhập – xuất – tồn kho nước khoáng và vỏ bình; đồng thời tổng hợp số liệu thực tế để phục vụ công tác quản lý nội bộ và bàn giao cho kế toán dịch vụ theo định kỳ.

(2) Kế toán dịch vụ: Kế toán dịch vụ thực hiện công tác kế toán tổng hợp và nghĩa vụ thuế cho công ty trên cơ sở số liệu do kế toán nội bộ cung cấp. Kế toán dịch vụ kiểm tra, đối chiếu chứng từ và số liệu; thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế liên quan; lập báo cáo thuế, báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; tư vấn cho doanh nghiệp về chế độ kế toán, chính sách thuế và các quy định tài chính hiện hành.

=> Kế toán nội bộ có trách nhiệm bàn giao cho kế toán dịch vụ các chứng từ kế toán phát sinh trong kỳ như hóa đơn bán hàng, phiếu thu – chi, phiếu nhập – xuất kho, bảng theo dõi doanh thu và công nợ khách hàng. Trên cơ sở đó, kế toán dịch vụ kiểm tra, tổng hợp số liệu, thực hiện kê khai thuế và lập báo cáo theo quy định, đồng thời phản hồi cho kế toán nội bộ các sai sót cần điều chỉnh để đảm bảo số liệu kế toán chính xác và thống nhất.

Nhìn chung, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, phù hợp với quy mô hoạt động và đặc điểm kinh doanh. Việc phân chia công việc giữa kế toán nội bộ và kế toán dịch vụ giúp doanh nghiệp vừa đảm bảo theo dõi chặt chẽ hoạt động kinh doanh hằng ngày, vừa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kế toán và thuế theo quy định của pháp luật.

2.1.6. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ được ban hành theo TT 133/2016/TT – BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của

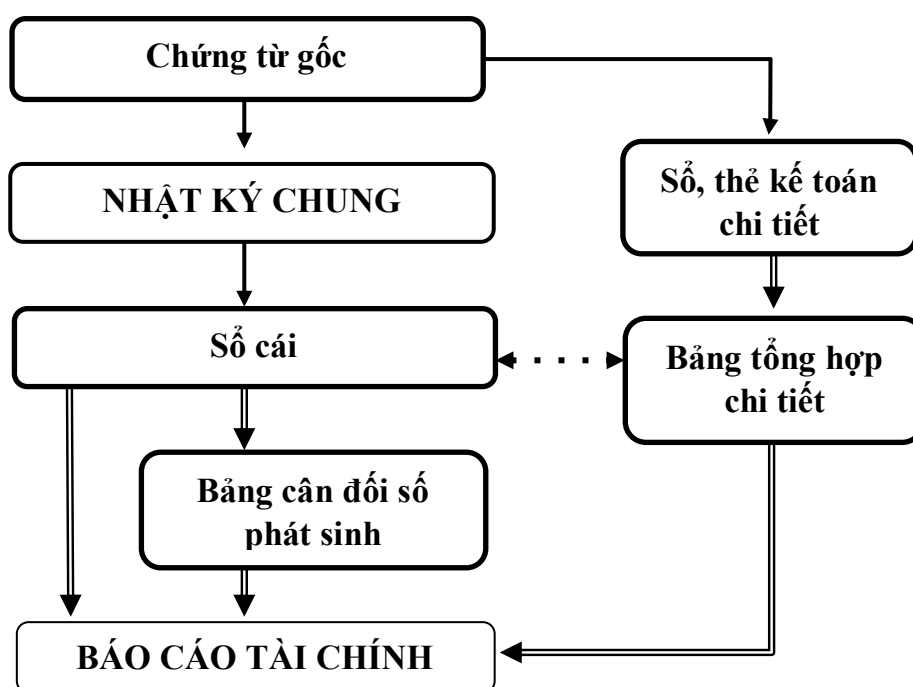
Bộ trưởng bộ tài chính

- **Chính sách kế toán áp dụng:**

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho sử dụng: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp kê khai thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp trích khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập
- Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung
- Hệ thống Báo Cáo Tài Chính sử dụng tại doanh nghiệp:
 - + Bảng cân đối kế toán
 - + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - + Thuyết minh Báo cáo tài chính

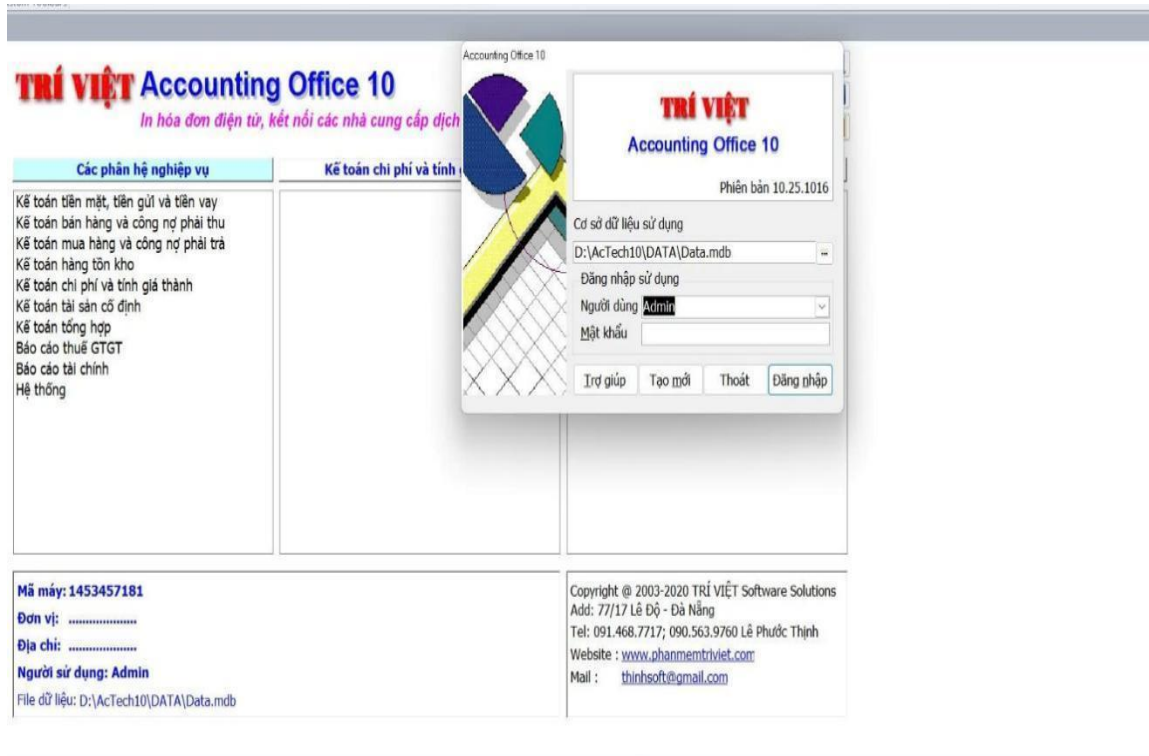
2.1.7. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm Trí Việt

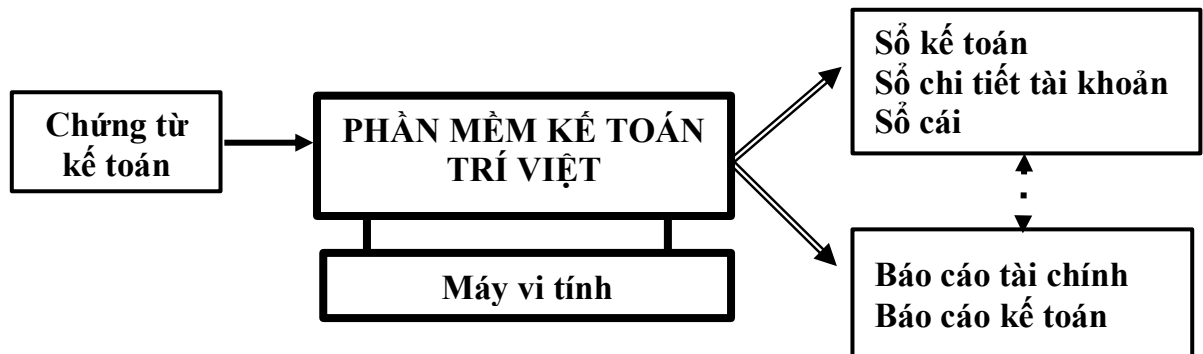


Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức ghi sổ nhật ký chung

Đối với Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát thì hình thức nhật ký chung trên phần mềm Trí Việt như sau:



Hình 2.1. Giao diện Phần mềm Trí Việt



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Trí Việt

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ gốc, kế toán thực hiện nhập số liệu vào phần mềm Trí Việt. Theo quy trình tự động của phần mềm, thông tin sẽ được tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết của từng tài khoản. Từ đó lên bảng cân

đối số phát sinh và lên các báo cáo tài chính liên quan. Cuối kỳ kế toán hoặc khi có yêu cầu đặc biệt, kế toán sẽ thực hiện các nghiệp vụ phân bổ và kết chuyển, từ đó lập báo cáo tài chính và đưa trình lên các cấp có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng là kế toán theo hình thức Nhật ký chung nên các loại sổ sách in ra đều dựa theo hình thức Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

2.2.1. Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

a) Đặc điểm về kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Gia Vân Phát là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, chuyên kinh doanh các mặt hàng nước giải khát và nước uống đóng chai. Do đặc điểm hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng hằng ngày nên số lượng hàng bán ra thường xuyên, đa dạng về chủng loại và quy cách sản phẩm.
- Hiện nay, các mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty gồm:
 - + Chanh muối Pet
 - + Ga thủy tinh
 - + Gaz pet
 - + Ngọt pet
 - + Ngọt thủy tinh
 - + NKTN Thạch bích
 - + Nước khoáng bình
 - + Nước uống ion kiềm Quater PET
 - + Nước khoáng Lavie
- Do công ty kinh doanh nhiều mặt hàng với số lượng xuất bán lớn nên công tác kế toán doanh thu bán hàng cần được thực hiện đầy đủ, kịp thời và chính xác nhằm phản ánh đúng doanh thu phát sinh trong kỳ, đồng thời phục vụ cho việc theo dõi tình hình tiêu thụ hàng hoá tại công ty.
- Công ty hiện đang áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng làm căn cứ ghi nhận doanh thu và kê khai thuế theo quy định. Các mặt hàng kinh doanh tại công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP.

b) Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán tại công ty

- **Phương thức bán hàng:**

- Tại Công ty, hoạt động bán hàng được thực hiện chủ yếu thông qua hình thức giao hàng trực tiếp theo nhu cầu đặt hàng của khách. Khách hàng của công ty chủ yếu là các đơn vị, doanh nghiệp và các đại lý có nhu cầu sử dụng nước uống, nước khoáng và các mặt hàng nước giải khát.
- Khi phát sinh nhu cầu mua hàng, khách hàng tiến hành liên hệ đặt hàng trực tiếp hoặc thông qua điện thoại. Căn cứ vào thông tin đặt hàng, bộ phận kho thực hiện xuất hàng giao cho khách. Sau khi hoàn tất việc giao hàng, kế toán lập hoá đơn giá trị gia tăng và thực hiện ghi nhận doanh thu bán hàng.

- **Phương thức thanh toán:**

Tại Công ty, khách hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tùy theo nhu cầu và thoả thuận giữa hai bên.

- Đối với hình thức thanh toán bằng chuyển khoản, khách hàng thực hiện thanh toán thông qua tài khoản ngân hàng của công ty. Trường hợp khách hàng chưa thanh toán ngay, kế toán theo dõi công nợ và thực hiện đối chiếu khi phát sinh thanh toán.
- Đối với hình thức thanh toán bằng tiền mặt, khách hàng thanh toán trực tiếp cho công ty khi nhận hàng. Kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan để ghi nhận nghiệp vụ phát sinh.

c) Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Sổ phụ ngân hàng

- **Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ”
- Sổ chi tiết TK 5111 “ Doanh thu bán hàng ”

- **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ”
- Tài khoản 5111 “ Doanh thu bán hàng ”

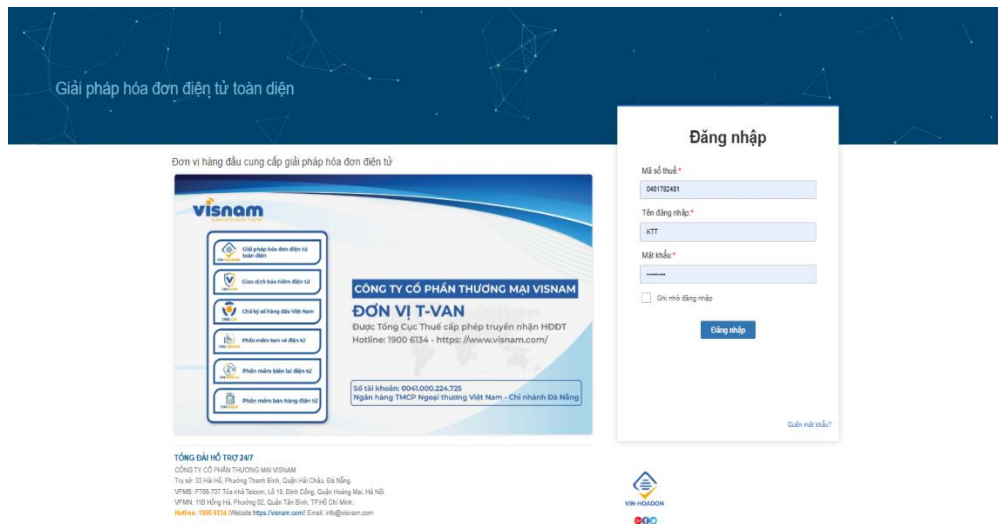
d) Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

Tại Công ty, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, bộ phận kinh doanh tiếp nhận thông tin đặt hàng của khách hàng và chuyển cho kế toán tiến hành lập hóa đơn giá

trị gia tăng. Hóa đơn giá trị gia tăng tại công ty được lập trên phần mềm hóa đơn điện tử Visnam. Sau khi hoàn tất các thông tin cần thiết, hoá đơn được phát hành và gửi cho khách hàng theo quy định. Quy trình lập hóa đơn GTGT diễn ra như sau:

Bước 1: Kế toán trước hết truy cập vào hệ thống thông qua giao diện đăng nhập

- Truy cập vào địa chỉ: <https://hddt.vin-hoadon.com/account/login>
- Đăng nhập bằng tài khoản kế toán của doanh nghiệp (mã số thuế, tên đăng nhập, mật khẩu).



Hình 2.2. Giao diện đăng nhập hệ thống hóa đơn điện tử VINHOADON

Sau khi đăng nhập thành công vào hệ thống, giao diện quản lý hóa đơn điện tử được hiển thị. Tại đây kế toán dễ dàng tra cứu thông tin chứng từ (số hoá đơn, ngày lập, thông tin khách hàng...) và theo dõi trạng thái xử lý của từng hoá đơn

VIN-HOADOON | Hóa đơn | Hồ sơ hóa đơn | Danh mục | Báo cáo | VPSink

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VĂN PHÁT
 Mã số thuế: 901702491
 Địa chỉ: 18 Đường Số 5, Phường Mỹ Hòa Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1 - CHẾ PHẨM
 Số: 402
 Ngày lập: 06/05/2025

Mã số thuế	Mô tả thuế	Tên người mua *	Số điện thoại	Email
Tên đơn vị			Số điện thoại	
Địa chỉ			Mô hình	
Phương thức TT	Hàng hóa/Chuyển khoản	Tên người bán	Ngày tháng	Tên người bán và PTMT
Tiền là	VND - Việt Nam Đồng	Tên người mua	Ngày tháng	Tên người bán và PTMT
Chi phí		CCOD	Hệ thống	

F2: Thêm dòng Enter xuống dòng, Alt + Enter xuống dòng đến hàng hóa

STT	KM	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế
1	☐	Hàng hóa					0 10%		
2	☐	Hàng hóa					0 10%		
3	☐	Hàng hóa					0 10%		
4	☐	Hàng hóa					0 10%		
5	☐	Hàng hóa					0 10%		

Tổng cộng 5

Chỉ tiêu sau thuế

Tổng tiền hàng
 Tiền thuế
 Tổng tiền thanh toán

* Cần nhập để không bị người mua
 * Hóa đơn phải có ít nhất một hàng hóa hợp lệ

Lưu tạm
 Hoàn tất
 In
 Xem trước
 Tải về

Hình 2.4. Giao diện tạo hóa đơn điện tử VINHOADON

Bước 4: Khai báo chi tiết hàng hóa / dịch vụ

- Tại phần bảng hàng hóa ở giữa màn hình: Nhấn F2 hoặc Alt + Enter để thêm dòng mới.
- Khi nhập xong tất cả các mặt hàng, hệ thống tự động tính tổng cộng, tổng tiền thuế và tổng thanh toán ở cuối bảng.

[illegible]

Hình 2.5. Giao diện tạo hóa đơn điện tử VINHOADON

Bước 5: Ký số và phát hành hóa đơn

- Sau khi nhập xong, nhấn “Ký số & Phát hành” (biểu tượng cây bút hoặc menu góc phải).
- Hệ thống sẽ:
 - + Ký điện tử bằng USB Token hoặc Cloud Sign.
 - + Gửi dữ liệu lên Tổng Cục Thuế để cấp mã định danh CQT.

+ Khi hoàn tất, hóa đơn sẽ hiển thị trạng thái: “Đã phát hành”.

Sau khi hóa đơn giá trị gia tăng đã được lập, kế toán sử dụng làm căn cứ để nhập liệu vào phần mềm kế toán. Từ dữ liệu đã nhập, hệ thống tự động xử lý và cập nhật thông tin vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái và các sổ chi tiết liên quan, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ phát sinh. Cuối cùng, chứng từ được lưu trữ theo quy định của công ty nhằm phục vụ công tác kiểm tra và đối chiếu khi cần thiết.

Để minh họa cụ thể cho quy trình kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty, dưới đây là các nghiệp vụ bán hàng thực tế phát sinh tại công ty

Trường hợp 1: Bán hàng cho khách hàng chưa thu tiền

Ngày 17/11/2025, công ty thực hiện bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đức Nguyễn theo Hóa đơn GTGT số 880, ký hiệu IC25TVP. Nội dung hóa đơn gồm các mặt hàng nước giải khát với tổng giá thanh toán là 15.935.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%), khách hàng chưa thanh toán.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử				Ký hiệu: IC25TVP	
Ngày 17 tháng 11 năm 2025				Số: 880	
Mã CQT: 00B0712AB3F25E470BAF8481DB778D2FD0					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VÂN PHÁT					
Mã số thuế: 0401782481					
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi - Phường Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng - Việt Nam					
Điện thoại: 0905 83 53 77					
Số tài khoản: 2006201006371 Tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam, CN Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC NGUYỄN					
Địa chỉ: Nhà Số 3 Đường an Thương 2, Phường Ngũ Hành sơn, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Mã số thuế: 0401927916					
CCCD/Hộ chiếu:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản				Số tài khoản:	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Chanh muối Pet 0.48	Thùng	13	129.629,62	1.685.185
2	Ngọt pet 480ml	Thùng	16	120.370,37	1.925.926
3	Gaz pet 480 ml	Thùng	24	101.851,85	2.444.444
4	NKTN thạch bích 4,9 lít có val	Thùng	43	83.333,33	3.583.333
5	NKTN thạch bích 1.5 lít	Thùng	59	78.703,7	4.643.518
6	NKTN thạch bích 500ml	Thùng	6	78.703,7	472.222
Cộng tiền hàng:					14.754.628
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 1.180.372
Tổng cộng tiền thanh toán:					15.935.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		
			Signature valid Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VÂN PHÁT Ngày ký: 17 / 11 / 2025		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Trà cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.hoa-don.com Mã số tra cứu: 03A192217950					
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401488901					

Hình 2.6. Hoá đơn GTGT số 880 ngày 17/11/2025

Sau khi Hoá đơn GTGT được phát hành, kế toán tiến hành nhập liệu nghiệp vụ bán hàng vào phần mềm kế toán Trí Việt theo quy trình xử lý của hệ thống. Trên cơ sở các thông tin đã được xác lập trên hoá đơn, kế toán thực hiện khai báo và cập nhật dữ liệu liên quan vào phần mềm nhằm phục vụ cho việc ghi nhận doanh thu và theo dõi công nợ khách hàng. Quy trình nhập liệu được thực hiện như sau:

- Bước 1: Từ giao diện chính của phần mềm kế toán Trí Việt, kế toán truy cập vào phân hệ “ Kế toán bán hàng và công nợ phải thu ” → sau đó lựa chọn chức năng “ Hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho ” để thực hiện nhập liệu nghiệp vụ bán hàng phát sinh
- Bước 2: Kế toán tiến hành khai báo các thông tin chung của chứng từ như ký hiệu hoá đơn, số hoá đơn, ngày lập hoá đơn, ngày hạch toán và thông tin khách hàng theo nội dung thể hiện trên hoá đơn GTGT
- Bước 3: Tiếp theo kế toán nhập chi tiết các mặt hàng bán ra bao gồm tên hàng hoá , đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền và mức thuế suất thuế GTGT áp dụng cho từng mặt hàng nhằm đảm bảo số liệu phản ánh chính xác theo chứng từ gốc
- Bước 4: Sau khi hoàn tất việc nhập thông tin hàng hoá, kế toán thực hiện khai báo các tài khoản kế toán liên quan. Trong đó, doanh thu bán hàng được ghi nhận vào TK 5111

Hoá Đơn Bán Hàng Kiêm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: C0020 Công Ty TNHH Dầu Tư Và Ph Ngày CT: 17/11/2025 Số CT: 880 Hạn t. toán: 0

Họ tên n. mua: CÔNG TY TNHH DẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC NGUYỄN Phương thức TT: PT giao hàng

Lý do chứng từ: Bán hàng HD 880 Mã NV quản lý: Chọn giá bán 1. Giá chung

Địa chỉ: An Thượng 2, Ngũ Hành Sơn, ĐN Nhân viên Order: Đ. chỉ giao hàng

Chi tiết chứng từ: ☐ Hóa đơn có giá Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	VAT	ĐVT	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	K.mãi	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có
H0001	Chanh muối Pet 0.48	8%	Thùng	13	129,630	1,685,185		104,969	1,364,603	131	5111
H0004	Ngot pet 480ml	8%	Thùng	16	120,370	1,925,926		98,054	1,568,858	131	5111
H0003	Gaz pet 480 ml	8%	Thùng	24	101,852	2,444,444		81,532	1,956,776	131	5111
H0013	NK Thạch bích chai Pet 4.9 lít có	8%	Thùng	43	83,333	3,583,333		67,496	2,902,347	131	5111
H0006	NKTN thạch bích 1.5 lít	8%	Thùng	59	78,704	4,643,518		60,758	3,584,708	131	5111
H0008	NKTN thạch bích 500ml	8%	Thùng	6	78,704	472,222		58,809	352,855	131	5111

Tổng tiền vốn: 11,730,147

Tiền CK: 0

Tiền hàng: 14,754,628

Tiền hàng sau CK: 14,754,628

Tiền thuế: 1,180,372

Tổng hoá đơn: 15,935,000

Tổng hạch toán: 15,935,000

Tính VAT: Thuế - Ghi Nợ 131 Ghi Có 33311 Vụ việc

Hàng hóa: H0008 / tồn (kho CHINH): 408.00; Chưa thanh toán

Hình 2.7. Giao diện nhập liệu hoá đơn bán hàng trên phần mềm Trí Việt

- Bước 5: Cuối cùng, kế toán kiểm tra lại toàn bộ nội dung chứng từ trước khi thực hiện lưu dữ liệu trên hệ thống. Sau khi chứng từ được ghi nhận, phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ chi tiết TK 5111, Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511

Trường hợp 2: Bán hàng cho khách hàng thu bằng tiền mặt:

Ngày 30/11/2025 công ty thực hiện bán hàng hoá cho Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Và Đầu Tư Pegasus theo Hoá đơn Giá trị gia tăng số 927, ký hiệu IC25TVP, nội dung hoá đơn gồm các mặt hàng nước giải khát với tổng giá thanh toán là 4.080.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%), đã thu bằng tiền mặt. (xem Phiếu thu số 000020 phụ lục trang...)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử			Ký hiệu: IC25TVP		
Ngày 30 tháng 11 năm 2025			Số: 927		
Mã CQT: 00BADE963D658648E2897CEE486E9518AA					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VÂN PHÁT					
Mã số thuế: 0401782481					
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi - Phường Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng - Việt Nam					
Điện thoại: 0905 83 53 77					
Số tài khoản: 2006201006371 Tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam, CN Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ PEGASUS					
Địa chỉ: Khu đô thị mới Phú Mỹ An, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Mã số thuế: 0401427173					
CCCD/Hộ chiếu:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước khoáng bình 18.9 lit CV	Bình	80	46.296,29	3.703.703
2	NKTN Thạch bích 350 ml	Thùng	1	74.074,07	74.074
Cộng tiền hàng:					3.777.777
Thuế suất GTGT: 8%				Tiền thuế GTGT:	302.223
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.080.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		
			Signature valid Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VÂN PHÁT VÂN PHÁT Ngày ký: 30 / 11 / 2025		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) Trà cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuuyin-hoadon.com Mã số tra cứu: 11FB62516QW4 Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VINAM, MST: 0401486901					

Hình 2.7. Hoá đơn GTGT số 927 ngày 30/11/2025

Kế toán tiến hành nhập liệu nghiệp vụ bán hàng vào phần mềm kế toán Trí Việt dựa trên các thông tin thể hiện trên hoá đơn giá trị gia tăng đã lập

Hoá Đơn Bán Hàng Kiêm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: 00012 - Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Và Ngày CT: 30/11/2025 Số CT: 927 Hạn t toán: 0

Họ tên n. mua: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ PEGASUS Phương thức TT: PT giao hàng

Lý do chứng từ: Bán hàng HD 927 Mã NV quản lý: Chọn giá bán 1. Giá chung

Địa chỉ: Khu Đô Thị Mới Phú Mỹ An, Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn Nhân viên Order: D.chi giao hàng

Chi tiết chứng từ ☐ Hóa đơn có giá Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	VAT	ĐVT	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	K.mãi	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có
H0009	Nước khoáng bình 18.9 lít CV	8%	Bình	80	46,296	3,703,703		27,422	2,193,738	131	5111
H0007	NKTN Thạch bích 350 ml	8%	Thùng	1	74,074	74,074		48,967	48,967	131	5111

Record: 1 of 2

Ký hiệu	Seri HD	Ngày hoá đơn	VAT	Tiền hàng	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở
C25TVP	00000927	30/11/2025	8%	3,777,777	302,223		CÔNG TY CỔ PH

Tổng tiền vốn: 2,242,705

Tiền CK: 0

Tiền hàng: 3,777,777

Tiền hàng sau CK: 3,777,777

Tiền thuế: 302,223

Tổng hoá đơn: 4,080,000

Tổng hạch toán: 4,080,000

Tính VAT: Thuế - Ghi Nợ 131 Ghi Có 33311 Vụ việc

Hàng hóa: H0009 / tồn (kho CHINH) : 26,645.00; Thanh toán đủ phiếu thu số: 000020 (4,080,000)

Hình 2.8. Giao diện nhập liệu hoá đơn trên phần mềm

Sau khi kế toán nhập liệu các nghiệp vụ bán hàng vào phần mềm kế toán Trí Việt, số liệu sẽ được hệ thống tự động cập nhật vào Sổ chi tiết tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá.

Để truy xuất Sổ chi tiết tài khoản 5111, kế toán thực hiện thao tác trên phần mềm Trí Việt theo trình tự: vào phân hệ “ Kế toán tổng hợp ” → chọn “ Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung ” → “ chọn Sổ chi tiết tài khoản ”, sau đó chọn kỳ báo cáo và tài khoản cần theo dõi. Sau khi hoàn tất thao tác, hệ thống sẽ tự động hiển thị Sổ chi tiết tài khoản 5111:

Bảng 2.1. Sổ chi tiết tài khoản 5111

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát					Mẫu số: S19-DNN		
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng					(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa							
CHUNG TỬ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
07/01	1	C0030	Công Ty TNHH Xây Dựng Kiến Trúc Tân Minh Nhân	Bán hàng HD 1	131	0	909,091
07/01	2	C0058	TAP HOA TUẤN YẾN	Bán hàng HD 2	131	0	1,110,000
....							
21/05	299	C0084	CÔNG TY CỔ PHẦN AA WINDOW	Bán hàng HD 299	131	0	462,963
21/05	300	KH 25	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ SRT MIỀN TRUNG	Bán hàng HD 300	131	0	462,963
....							
02/07	445	KH 9	PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI SƠN	Bán hàng HD 445	131	0	462,963
02/07	446	C0030	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KIẾN TRÚC TÂN MINH NHÂN	Bán hàng HD 446	131	0	833,333
....							
04/11	840	C0030	Công Ty TNHH Xây Dựng Kiến Trúc Tân Minh Nhân	Bán hàng HD 840	131	0	694,444
04/11	841	C0030	Công Ty TNHH Xây Dựng Kiến Trúc Tân Minh Nhân	Bán hàng HD 841	131	0	879,630
....							
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC NGUYỄN	Bán hàng HD 880	131	0	472,222
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC NGUYỄN	Bán hàng HD 880	131	0	1,685,185
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC NGUYỄN	Bán hàng HD 880	131	0	1,925,926
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC NGUYỄN	Bán hàng HD 880	131	0	2,444,444
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC NGUYỄN	Bán hàng HD 880	131	0	3,583,333
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC NGUYỄN	Bán hàng HD 880	131	0	4,643,518
....							
30/11	927	C0012	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ PEGASUS	Bán hàng HD 927	131	0	74,074
30/11	927	C0012	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ PEGASUS	Bán hàng HD 927	131	0	3,703,703
....							
31/12	1054	KH 65	CÔNG TY TNHH SALON XUÂN HUYỀN	Bán hàng HD 1054	131	0	925,920
31/12	KC-000002			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	295,054,968	0
				Tổng cộng phát sinh		2,594,309,381	2,594,309,381
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,594,309,381	2,594,309,381
				Số dư cuối kỳ		0	0
Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			

Bên cạnh đó, sau khi hoàn tất nhập liệu, phần mềm còn tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung (được trình bày tại trang 81). Sau khi lên Sổ Nhật ký chung, dữ liệu được tổng hợp và phân loại theo từng tài khoản để lập Sổ cái.

Để mở Sổ cái tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán thực hiện trên phần mềm Trí Việt theo trình tự sau: tại giao diện chính của phần mềm, chọn phân hệ “ Kế toán tổng hợp ” → tiếp tục chọn “ Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung ” → sau đó chọn “ Sổ cái ”. Kế toán tiến hành khai báo kỳ báo cáo, lựa chọn tài khoản cần xem và thực hiện truy xuất dữ liệu trên hệ thống. Khi đó, Sổ Cái tài khoản 511 sẽ được hiển thị:

Bảng 2.2. Sổ cái TK 511

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát					
49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
CHUNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
07/01	1	Bán hàng HD 1	131	0	909,091
07/01	2	Bán hàng HD 2	131	0	1,110,000
....					
03/04	192	Bán hàng HD 192	131	0	2,222,222
....					
20/09	690	Bán hàng HD 690	131	0	0
20/09	690	Bán hàng HD 690	131	0	7,666,544
20/09	691	Bán hàng HD 691	131	0	555,552
....					
17/11	880	Bán hàng HD 880	131	0	472,222
17/11	880	Bán hàng HD 880	131	0	1,685,185
17/11	880	Bán hàng HD 880	131	0	1,925,926
17/11	880	Bán hàng HD 880	131	0	2,444,444
17/11	880	Bán hàng HD 880	131	0	3,583,333
17/11	880	Bán hàng HD 880	131	0	4,643,518
....					
30/11	927	Bán hàng HD 927	131	0	74,074
30/11	927	Bán hàng HD 927	131	0	3,703,703
....					
31/12	1054	Bán hàng HD 1054	131	0	925,920
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	295,054,968	0
		Tổng cộng phát sinh		2,594,309,381	2,594,309,381
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,594,309,381	2,594,309,381
		Số dư cuối kỳ		0	0
.....Ngày.....tháng.....năm.....					
kế toán trưởng					

Như vậy, nghiệp vụ bán hàng phát sinh tại Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Gia Vân Phát được kế toán thực hiện từ khâu lập hóa đơn giá trị gia tăng, nhập liệu chứng từ vào phần mềm kế toán Trí Việt đến việc tự động cập nhật số liệu vào các sổ kế toán liên quan. Việc tổ chức hạch toán theo quy trình này giúp doanh nghiệp theo dõi doanh thu và công nợ khách hàng một cách đầy đủ, kịp thời, đồng thời đảm bảo tính chính xác và thống nhất của thông tin kế toán phục vụ cho công tác quản lý tại công ty.

2.2.1.2. Kế toán giảm trừ doanh thu tại công ty

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty, trong năm 2025 doanh nghiệp không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu nên kế toán không thực hiện hạch toán các nghiệp vụ liên quan trong kỳ.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

a) Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Do đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh hàng hoá nên doanh thu hoạt động tài chính phát sinh tại công ty không nhiều. Trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tài khoản thanh toán tại ngân hàng. Các khoản doanh thu này được kế toán theo dõi và hạch toán đầy đủ theo quy định hiện hành

b) Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng**

- + Chứng từ giao dịch ngân hàng
- + Sao kê tài khoản ngân hàng

- **Sổ sách sử dụng**

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 515
- + Sổ chi tiết TK 515

- **Tài khoản sử dụng**

- + TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

c) Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Trong kỳ, công ty phát sinh khoản doanh thu hoạt động tài chính từ tiền gửi ngân hàng. Cuối mỗi tháng, căn cứ vào sổ phụ và chứng từ giao dịch ngân hàng, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu và nhập liệu vào phần mềm. Từ dữ liệu đã được cập nhật, phần mềm tự động phản ánh số liệu vào các sổ kế toán liên quan

Ngày 31/12/2025, công ty phát sinh khoản lãi tiền gửi ngân hàng với số tiền 15.720 đồng theo số liệu trên sổ phụ ngân hàng (được trình bày tại Phụ lục sổ phụ ngân hàng trang 88). Căn cứ vào chứng từ này, kế toán thực hiện ghi nhận nghiệp vụ trên phần mềm kế toán Trí Việt bằng cách truy cập vào phân hệ “Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → chọn mục “Phiếu thu tiền gửi (Giấy báo Có)” → nhấn “Thêm” và nhập các thông tin liên quan đến khoản lãi phát sinh. Sau khi hoàn tất nhập liệu, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ kế toán liên quan như Sổ Nhật ký chung và Sổ cái tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Phiếu Thu Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: Phiếu thu cho một đối tượng

Khách hàng: AGB Ngân Hàng Agribank Người nộp tiền: Ngân Hàng Agribank Ngày CT: 31/12/2025

Địa chỉ: Mã nhân viên: Số CT: 0000090

Lý do chứng từ: Lãi ngân hàng CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
1121	515	15,720	Lãi ngân hàng		
* 1121	515	0			

Record: 1 of 1

Tổng hạch toán: 15,720

Hình 2.9. Phiếu thu tiền gửi

Khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh được thể hiện qua chứng từ giao dịch sau:

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK

Mang phồn thịnh đến khách hàng

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày: 31/12/2025
Liên 1: Ngân hàng

Mẫu số: 012/2006 Ký hiệu: GL/25
Số chứng từ: 12310024000011917
Ngày giá trị: 31/12/2025
SGD: 11917 SBT:

Chi nhánh: 2006 - Agribank Chi nhánh Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng
Địa chỉ: 470A Le Van Hien, Ngu hanh son, Da nang

Mã số thuế: 0100686174-584
Điện thoại/Fax: (84) 0236 3847396/(84) 02

Tên khách hàng: Cty TNHH MTV TM và DV Gia Văn Phát
Địa chỉ: Tổ 37 phường Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng
Mã số khách hàng: 2006296690027
Loại giao dịch: Interest Deposit
Nội dung:

Mã số thuế: 0401782481
Số tài khoản: 2006201006371

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Số dư tích lũy:	2.868.959.350	VND	
Lãi nhập gốc:	15.720	VND	

Mẫu IDP01 theo VB số 599/QĐ-NHNg-TCKT ngày 19/04/2017

Khách hàng: Thủ quỹ: Giao dịch viên: Kiểm soát: Giám đốc:

(Ký và ghi rõ họ tên) (Mã GDV: 2006GL) (Mã KS:)

Người in: NHHSHIEP Thời gian in: 05/01/2026 15:18:03 Batch User 1/1

Hình 2.10. Chứng từ giao dịch ngân hàng

Sau khi chứng từ được nhập liệu vào phần mềm, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung (Được trình bày trang 82), đồng thời được phản ánh vào Sổ chi tiết và Sổ cái tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Bảng 2.3. Sổ cái TK 515

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát					
49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
31/01	0000024	Lãi ngân hàng	1121	0	9,523
31/01	KC-000003	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	9,523	0
....					
30/09	0000089	Lãi ngân hàng	1121	0	14,772
30/09	KC-000003	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	14,772	0
31/10	0000025	Lãi ngân hàng	1121	0	11,499
31/10	KC-000003	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	11,499	0
30/11	0000052	Lãi ngân hàng	1121	0	14,166
30/11	KC-000003	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	14,166	0
31/12	0000090	Lãi ngân hàng	1121	0	15,720
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	15,720	0
		Tổng cộng phát sinh		154,428	154,428
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		154,428	154,428
		Số dư cuối kỳ		0	0
				Ngày.....tháng.....năm.....	
				kế toán trưởng	

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại công ty

a) Nội dung kế toán thu nhập khác tại công ty

Tại Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Gia Vân Phát, thu nhập khác phát sinh không thường xuyên và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp. Trong năm 2025, các khoản thu nhập khác chủ yếu là khoản chiết khấu mua hàng và chiết khấu sản lượng được nhà cung cấp chấp thuận giảm trừ trong quá trình mua hàng hoá. Kế toán thực hiện theo dõi và phản ánh các khoản này vào TK 711 – Thu nhập khác.

b) Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- **Chứng từ sử dụng**
 - Chứng từ bút toán tổng hợp
 - Biên bản đối chiếu công nợ
- **Sổ sách sử dụng**
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 711
 - Sổ chi tiết TK 711
- **Tài khoản sử dụng**
 - TK 711 “ Thu nhập khác ”

c) Kế toán thu nhập khác tại công ty

Trong kỳ, Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Gia Vân Phát phát sinh khoản thu nhập khác từ chiết khấu mua hàng và chiết khấu sản lượng được hưởng từ nhà cung cấp. Căn cứ vào chứng từ bút toán tổng hợp và các chứng từ liên quan, kế toán thực hiện ghi nhận nghiệp vụ trên phần mềm kế toán Trí Việt. Từ dữ liệu đã được cập nhật, hệ thống sẽ tự động phản ánh số liệu vào các sổ kế toán liên quan theo quy định.

Nghiệp vụ minh họa:

Ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi lập hóa đơn GTGT số 6083 về khoản chiết khấu sản lượng tháng 12 và quý IV năm 2025 mà Công ty được hưởng theo chính sách bán hàng của nhà cung cấp. Khoản chiết khấu này được thực hiện theo hình thức bù trừ công nợ với tổng giá thanh toán là 10.687.485 đồng.



Số: 6083

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

MCCQT: 00FFA908D2A46E48D2A5AC2CF4E7B49ED8

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Mã số thuế: 4300205943

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0255 3726110

Số tài khoản:

Tên người mua: Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Gia Vân Phát

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401782481

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 16 Đa Phước 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Bù trừ

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Chiết khấu KKTSL Tháng 12+ Quý 4 /2025		0	0	0	8%	9.895.819

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	9.895.819	791.666

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	9.895.819
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	791.666
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	10.687.485
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Mười triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, bốn trăm tám mươi lăm đồng.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Ký ngày: 2025-12-31 17:22:51

Hình 2.11. Hoá đơn GTGT số 6083 ngày 31/12/2025

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT liên quan đến khoản chiết khấu từ nhà cung cấp, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán Trí Việt bằng cách vào phân hệ “Kế toán tổng hợp” → chọn “Phiếu kế toán” và khai báo các thông tin liên quan đến nghiệp vụ phát sinh:

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp
Copy

Ngày CT: 31/12/2025 Số CT: 6083 CT gốc:
Lý do chứng từ: Chiết khấu sản lượng T12 + Q4/25
Mã nhân viên:

Chi tiết

TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
331	331-DUONG	711	331-DUONG	9,895,819.00	Chiết khấu sản lượng T12 + Q4/25 HD 6083		
331	331-DUONG	1331	331-DUONG	791,666.00	Chiết khấu sản lượng T12 + Q4/25 HD 6083		
				0.00	Chiết khấu sản lượng T12 + Q4/25 HD 6083		

Tổng chưa thuế:
Tổng thuế VAT:
Tổng hoá đơn:

Tổng hạch toán: 10,687,485

Tên tài khoản ghi nợ:

Hình 2.12. Màn hình nhập liệu trên phần mềm kế toán Trí Việt

Sau khi hoàn tất nhập liệu trên phần mềm, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ chi tiết TK 711:

Bảng 2.4. Sổ chi tiết tài khoản 711

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát						Mẫu số: S19-DNN	
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng						(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 711 - Thu nhập khác							
CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
14/01	000320	331-DUONG	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG	Tồn đầu kỳ	331	0	
...	...	...	...	Chiết khấu bán hàng	...	0	6,704,409
03/09	4200	331-DUONG	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG	Chiết khấu bán hàng	331	0	10,699,765
30/09	KC-000001			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ S	911	10,699,765	0
14/10	4847	331-DUONG	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG	Chiết khấu bán hàng	331	0	11,514,213
31/10	KC-000001			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ S	911	11,514,213	0
11/11	5245	331-DUONG	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG	Chiết khấu bán hàng	331	0	1,312,253
30/11	KC-000001			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ S	911	1,312,253	0
02/12	5603	331-DUONG	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG	Chiết khấu bán hàng	331	0	7,103,458
31/12	6083	331-DUONG	Công Ty Cổ Phần Đường Quảng Ngãi	Chiết khấu sản lượng T12 + Q4/25 HD	331	0	9,895,819
31/12	KC-000001			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ S	911	16,999,277	0
				Tổng cộng phát sinh		98,433,629	98,433,629
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		98,433,629	98,433,629
				Số dư cuối kỳ		0	
						Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Người ghi sổ		Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		

Đồng thời với việc cập nhật số liệu lên sổ chi tiết thì số liệu còn chuyển qua

sổ Nhật ký chung (được trình bày trang 83)

Sau khi vào sổ Nhật ký chung thì số liệu còn được tổng hợp theo từng tài khoản lên sổ cái tài khoản 711:

Bảng 2.5. Sổ cái tài khoản 711

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát					
49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 711 - Thu nhập khác					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
14/01	000320	Chiết khấu bán hàng	331	0	6,704,409
31/01	KC-000001	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	6,704,409	0
...	...	...	...	...	...
14/10	4847	Chiết khấu bán hàng	331	0	11,514,213
31/10	KC-000001	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	11,514,213	0
11/11	5245	Chiết khấu bán hàng	331	0	1,312,253
30/11	KC-000001	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	1,312,253	0
02/12	5603	Chiết khấu bán hàng	331	0	7,103,458
31/12	6083	Chiết khấu sản lượng T12 + Q4/25 HD 6083	331	0	9,895,819
31/12	KC-000001	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	16,999,277	0
		Tổng cộng phát sinh		98,433,629	98,433,629
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		98,433,629	98,433,629
		Số dư cuối kỳ		0	0
				Ngày.....tháng.....năm.....	
				Kế toán trưởng	

2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty

a) Nội dung kế toán giá vốn hàng bán tại công ty

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại, chuyên kinh doanh các mặt hàng nước khoáng, nước giải khát. Vì vậy, giá vốn hàng bán tại công ty chủ yếu là trị giá của hàng hóa đã xuất bán cho khách hàng trong kỳ. Hàng hóa được nhập từ các nhà cung cấp và theo dõi chi tiết theo từng mặt hàng trên phần mềm kế toán nhằm phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát tồn kho.
- Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán đồng thời thực hiện ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng của hàng hóa đã xuất bán. Giá vốn hàng bán được phần mềm kế toán tự động cập nhật khi kế toán lập hóa đơn bán hàng và phiếu xuất kho trên hệ thống. Sau khi ghi nhận, phần mềm sẽ tự động phản ánh số liệu vào các sổ kế toán liên quan.
- Hiện nay, công ty áp dụng phương pháp Bình quân gia quyền theo thời

điểm để tính giá xuất kho hàng hoá:

Năm tài chính bắt đầu

Thông tin năm này được chương trình sử dụng để kiểm soát thời gian bắt đầu sử dụng của chương trình, và dựa vào thời gian này chương trình không chế chỉ cho phép dữ liệu phát sinh kể từ năm này trở đi.

Báo cáo tài chính theo mẫu

Mẫu BC tình hình tài chính

Quản lý giá vốn bằng phương pháp

☐ Giá nhập trước xuất trước ☐ Giá từ danh mục hàng hóa

☐ Giá bình quân gia quyền cuối tháng ☐ Giá rỗng, tự gõ bằng tay

☒ **Giá bình quân gia quyền theo thời điểm** ☐ Giá BQ cuối tháng ko phân biệt phiếu trả hàng, update như nhau

☐ Giá đích danh

☐ Tắt chức năng điền giá vốn khi nhập phiếu (nhằm CT chạy nhan

☒ Bật chức năng điền lại giá vốn cho các phiếu xuất khi kết chuy

Cách điền đơn giá bán tự động

Chọn mẫu hóa đơn GTGT sử dụng

☒ Mẫu hóa đơn GTGT của bộ tài chính ☐ Không in thông tin Ct

☐ Mẫu hóa đơn đặt in thiết kế riêng

☐ Mẫu hóa bán hàng thông thường có mục VA

☐ Mẫu hóa bán hàng thông thường không có mục VA

☐ Mẫu hóa đơn đặt in thiết kế trên Excel (file HoaDonGTGT.x

☐ Mẫu hóa đơn tự in file Report..

☐ Hóa đơn điện tử

Số Pixel tăng giảm lề trên Số Pixel tăng giảm lề trái

Hình 2.13. Phương pháp tính giá xuất kho

b) Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - + Hoá đơn GTGT
 - + Phiếu xuất kho
 - + Các chứng từ liên quan khác
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ cái tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán ”
- Tài khoản sử dụng

- + Công ty sử dụng Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ. Tài khoản này được kế toán sử dụng nhằm xác định chi phí hàng bán và làm cơ sở xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

c) Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty

Tại công ty, quy trình kế toán giá vốn được thực hiện liên hoàn với nghiệp vụ bán hàng trên phần mềm Trí Việt. Quy trình nhập liệu được cụ thể hóa qua các bước sau:

- Bước 1: Lập hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho
 - + Kế toán truy cập vào phân hệ “ Kế toán bán hàng và công nợ phải thu ”
→ chọn chức năng “ Hoá đơn bán hàng Kiêm phiếu xuất kho ” → sau đó nhập các thông tin chung như khách hàng, ngày hạch toán, ngày chứng từ và thông tin hàng hoá xuất bán. Ghi ghi nhận chứng từ, phần mềm sẽ tự động phản ánh doanh thu và giá vốn.
- Bước 2: Lưu chứng từ
 - + Sau khi kiểm tra thông tin chứng từ, kế toán thực hiện lưu (ghi sổ) để phần mềm cập nhật dữ liệu và theo dõi tình hình tồn kho
- Bước 3: Tính giá vốn và kết chuyển khóa sổ cuối kỳ
 - + Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện thao tác kết chuyển và khóa sổ tại phân hệ “ Hệ thống ” → “ Kết chuyển và khóa sổ/Mở sổ ”, đồng thời tích chọn “ Tự động tính và cập nhật lại giá vốn ”. Phần mềm sẽ tự động tính giá xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền và cập nhật số liệu vào các sổ kế toán liên quan.

• **Nghiệp vụ minh họa:**

Để minh họa cụ thể quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại công ty và đảm bảo tính thống nhất về số liệu, khoá luận lựa chọn phân tích thực tế nghiệp vụ xuất kho tương ứng với Hoá đơn GTGT số 880 ngày 17/11/2025 và Hoá đơn GTGT số 927 ngày 30/11/2025 (đã trình bày tại mục Kế toán doanh thu trang 47)

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 880 phát sinh ngày 17/11/2025 bán cho Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đức Nguyễn, sau khi kế toán ghi nhận nghiệp vụ bán hàng trên phần mềm kế toán, hệ thống tự động cập nhật và lập Phiếu xuất kho tương ứng để làm căn cứ xuất hàng cho khách. Phiếu xuất kho số 880 được minh họa như sau:

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ
Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Mẫu số 02 -VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17 tháng 11 năm 2025 Số : 880

Nợ: 632
Có: 156

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC NGUYỄN

Địa chỉ (bộ phận): An Thượng 2, Ngũ Hành Sơn, ĐN

Lý do xuất kho: Bán hàng HĐ 880

Xuất tại kho:

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chanh muối Pet 0.48	Thùng	13	104,969	1,364,603
2	Ngọt pet 480ml	Thùng	16	98,054	1,568,858
3	Gaz pet 480 ml	Thùng	24	81,532	1,956,776
4	NK Thạch bích chai Pet 4.9 lít có val	Thùng	43	67,496	2,902,347
5	NKTN thạch bích 1.5 lít	Thùng	59	60,758	3,584,708
6	NKTN thạch bích 500ml	Thùng	6	58,809	352,855
Cộng tiền hàng					11,730,147

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Mười một triệu bảy trăm ba mươi ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Hình 2.14. Phiếu xuất kho số 880

Tương tự, căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 927 phát sinh ngày 30/11/2025 xuất bán cho Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Và Đầu Tư Pegasus, hệ thống cũng tự động cập nhật và lập Phiếu xuất kho tương ứng sau khi kế toán ghi nhận nghiệp vụ bán hàng vào phần mềm, Phiếu xuất kho số 927 được minh hoạ như sau:

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ
Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Mẫu số 02 -VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 11 năm 2025 Số : 927

Nợ: 632
Có: 156

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ PEGASUS

Địa chỉ (bộ phận): Khu Đô Thị Mới Phú Mỹ An, Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Lý do xuất kho: Bán hàng HĐ 927

Xuất tại kho:

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước khoáng bình 18.9 lít CV	Bình	80	27,422	2,193,738
2	NKTN Thạch bích 350 ml	Thùng	1	48,967	48,967
Cộng tiền hàng					2,242,705

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Hai triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm lẻ năm đồng

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Hình 2.15. Phiếu xuất kho số 927

Sau khi hoàn tất việc ghi nhận giá vốn của các hàng hoá xuất bán trên phần mềm, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ chi tiết tài khoản 632:

Bảng 2.6. Sổ chi tiết tài khoản 632

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát					Mẫu số: S19-DNN		
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng					(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán							
CHUNG TỬ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
Tồn đầu kỳ						0	0
07/01	1	C0030	Công Ty TNHH Xây Dựng Kiến Trúc Tân	Bán hàng HĐ 1	156	538,373	0
...	...	...	...	...	...	...	...
15/11	878	C0063	TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ	Bán hàng HĐ 878	156	488,824	0
15/11	879	C0093	ĐẠI LÝ THANH NGỌC	Bán hàng HĐ 879	156	3,280,178	0
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	Bán hàng HĐ 880	156	352,855	0
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	Bán hàng HĐ 880	156	1,364,603	0
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	Bán hàng HĐ 880	156	1,568,858	0
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	Bán hàng HĐ 880	156	1,956,776	0
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	Bán hàng HĐ 880	156	2,902,347	0
17/11	880	C0020	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	Bán hàng HĐ 880	156	3,584,708	0
30/11	925	C0016	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ FPT ĐÀ NẴNG	Bán hàng HĐ 925	156	712,965	0
30/11	926	C0160	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀN QUỐC SEONGBEOM	Bán hàng HĐ 926	156	548,435	0
30/11	927	C0012	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ	Bán hàng HĐ 927	156	48,967	0
30/11	927	C0012	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ	Bán hàng HĐ 927	156	2,193,738	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	1054	KH_65	CÔNG TY TNHH SALON XUÂN HUYỀN	Bán hàng HĐ 1054	156	549,986	0
31/12	KC-000004			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	194,131,169
				Tổng cộng phát sinh		1,905,989,603	1,905,989,603
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1,905,989,603	1,905,989,603
				Số dư cuối kỳ		0	0
Người ghi sổ					Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
(Ký, họ tên)					Giám đốc		
					(Ký, họ tên)		

Đồng thời với việc cập nhật số liệu vào Sổ chi tiết thì số liệu còn chuyển qua Sổ Nhật ký chung (được trình bày trang 81)

Từ Sổ Nhật ký chung, dữ liệu tiếp tục được tổng hợp và phản ánh vào Sổ cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán, nhằm phục vụ cho công tác theo dõi và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Sổ cái tài khoản 632 được minh họa như sau:

Bảng 2.7. Sổ cái tài khoản 632

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát					
49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán					
CHUNG TỬ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
07/01	1	Bán hàng HĐ 1	156	538,373	0
02/10	740	Bán hàng HĐ 740	156	778,829	0
02/10	741	Bán hàng HĐ 741	156	617,692	0
17/11	880	Bán hàng HĐ 880	156	352,855	0
17/11	880	Bán hàng HĐ 880	156	1,364,603	0
17/11	880	Bán hàng HĐ 880	156	1,568,858	0
17/11	880	Bán hàng HĐ 880	156	1,956,776	0
17/11	880	Bán hàng HĐ 880	156	2,902,347	0
17/11	880	Bán hàng HĐ 880	156	3,584,708	0
30/11	927	Bán hàng HĐ 927	156	48,967	0
30/11	927	Bán hàng HĐ 927	156	2,193,738	0
		Tổng cộng phát sinh		1,905,989,603	1,905,989,603
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1,905,989,603	1,905,989,603
		Số dư cuối kỳ		0	0
Ngày.....tháng.....năm.....					
kế toán trưởng					

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính tại công ty

Trong năm 2025, doanh nghiệp không phát sinh các khoản chi phí tài chính nên kế toán không thực hiện hạch toán đối với Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

(1) Kế toán chi phí bán hàng

a) Nội dung của Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng tại Công ty được theo dõi trên tài khoản 6421, phản ánh các khoản chi phát sinh phục vụ trực tiếp cho hoạt động tiêu thụ hàng hoá. Do đặc thù doanh nghiệp có tổ chức đội xe giao hàng phục vụ khách hàng, chi phí bán hàng tại đơn vị chủ yếu liên quan đến hoạt động vận hành phương tiện vận chuyển, cụ thể bao gồm:

- Chi phí nhiên liệu: Là khoản chi mua dầu phục vụ cho xe ô tô tải thực hiện vận chuyển và giao hàng cho khách hàng.
- Chi phí kiểm định phương tiện: Là khoản chi phục vụ công tác đăng kiểm kỹ thuật định kỳ cho xe ô tô theo quy định nhằm đảm bảo phương tiện đủ điều kiện lưu thông và phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty
- Chi phí lương nhân viên bán hàng: Bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên tham gia hoạt động bán hàng và giao nhận hàng hoá.
- Chi phí khấu hao TSCĐ

b) Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hoá đơn GTGT
 - + Phiếu chi tiền mặt
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ chi tiết TK 6421
 - + Sổ cái TK 642
- Sổ Nhật ký chung
 - + Tài khoản sử dụng
- Tài khoản 6421: “ Chi phí bán hàng ”

c) Kế toán chi phí bán hàng tại công ty

Trong năm 2025, để phục vụ cho hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hoá cho khách hàng, Công ty thường xuyên phát sinh các khoản chi phí bằng tiền mặt liên quan đến đội xe tải.

❖ **Trường hợp 1: Kế toán chi phí nhiên liệu:**

Vào ngày 25/12/2025, Công ty phát sinh nghiệp vụ chi tiền mặt mua dầu Diesel phục vụ cho xe ô tô tải giao hàng từ Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Việt Thảo theo hoá đơn số 409176, với tổng giá thanh toán là 800.040 đồng



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25MVT
Số: 409176

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 25 tháng 12 năm 2025
MCCQT: M1-25-6ZOPS-00000430053

Tên người bán: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VIỆT THẢO
Mã số thuế: 0400446938
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ: 380 Ngũ Hành Sơn, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 02363954126
Số tài khoản: 1001000292442 TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VÂN PHÁT
Họ tên người mua hàng: 43C-045.69
Mã số thuế: 0401782481
Số hộ chiếu:
Địa chỉ: 16 Đa Phước 5, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại:
Căn cước công dân:
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản
Đơn vị tiền tệ: Tỷ giá:
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu Diesel 0,001S Mức 5	Lít	44,795	16.537,037	0	8%	740.778

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	740.778	59.262

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	740.778
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	59.262
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	800.040
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Tám trăm nghìn không trăm bốn mươi đồng chẵn

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VIỆT THẢO
Ký ngày: 2025-12-25 14:16:15

Hình 2.16. Hoá đơn GTGT số 409176 ngày 25/12/2025

Căn cứ vào hoá đơn này, kế toán tiến hành nhập liệu trên phân hệ kế toán tiền mặt của phần mềm Trí Việt:

Phiếu Chi Tiền Mặt Copy

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: V0004 --- Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo ---
 Người nhận tiền: Công Ty TNHH TMDV Việt T
 Ngày CT: 25/12/2025

Địa chỉ: 380 Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
 Mã nhân viên: ---
 Số CT: 409176

Lý do chứng từ: Chi tiền mua dầu HD 409176
 CT gốc: ---

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
▶ 6421	1111	740,778	Chi tiền mua dầu HD 409176		
* 6421	1111	0			

Record: 1 of 1

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Sêri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
C25MVT	409176	25/12/2025	8%	740,778	59,262		Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo	380 Ngũ Hành Sơn	0400446938
▶			8%						

Record: 2 of 2

Thuế - Ghi Nợ: 1331 --- Ghi Có: 1111 --- Vụ việc: ---

Tổng chưa thuế: 740,778
 Tổng hoá đơn: 800,040

Tổng thuế VAT: 59,262
 Tổng hạch toán: 800,040

Hình 2.17. Giao diện nhập liệu vào phần mềm Trí Việt

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát

Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0977878440

Mẫu số 02 -TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Số: **409176**

Nợ: 6421, 1331

Có: 1111

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

Họ tên người nhận tiền: Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo

Địa chỉ: 380 Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Lý do chi: Chi tiền mua dầu HD 409176

Số tiền: **800,040** đồng

(Viết bằng chữ) Tám trăm ngàn bốn mươi đồng

Kèm theo: Chứng từ gốc

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
 Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
 Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)
 Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Hình 2.18. Giao diện phiếu chi tiền mua dầu theo HD số 409176

❖ Trường hợp 2: Kế toán chi phí khấu hao TSCĐ:

Công ty TNHH MTV TM VÀ DV Gia Văn Phát Tổ 37 Phường Khuê Mỹ- Q. Ngũ Hành Sơn- Đà Nẵng														
BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC														
Năm 2025														
CT	Ngày tháng	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng phân	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Giá trị phân bổ trong quý	GTCL chuyển kỳ sau	Giá trị còn lại chuyển năm sau	Ghi chú
											Q4	Q4		
1	04/11/2021	Xe ô tô tải 43C-045.69	04/11/2021	51.000.000	72	24.083.346	708.333	708.333	708.333	708.333	2.124.999	15.583.350	15.583.350	
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Bán Hàng_TK6421				51.000.000		24.083.346		708.333	708.333	708.333	2.124.999	15.583.350	15.583.350	
TỔNG CỘNG				51.000.000	0	24.083.346	0	708.333	708.333	708.333	2.124.999	15.583.350	15.583.350	
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2025 Giám đốc														

Nhập liệu vào phần mềm Trí Việt:

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Copy

Ngày CT

31/12/2025

Số CT

006085

CT gốc

Lý do chứng từ

Phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ

Mã nhân viên

Chi tiết

TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
6421		242		3,075,885.00	Phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ		
6421		2141		2,124,999.00	Phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ		
6422		242		1,089,204.00	Phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ		
				0.00			

<

>

Tổng chưa thuế

Tổng thuế VAT

Tổng hoá đơn

Tổng hạch toán

6,290,088

❖ Trường hợp 3: Kế toán tiền lương nhân viên bán hàng

56

Bảng 2.8. Sổ chi tiết TK 6421

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát					Mẫu số: S19-DNN		
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng					(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng							
CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
31/01	PBL			Phân bổ lương nhân viên	334	20,400,000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
04/08	246612	V0004	Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo	Chi tiền mua dầu HD 246612	1111	648,148	0
09/08	252325	V0004	Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo	Chi tiền mua dầu HD 252325	1111	805,620	0
...	...	...	...	...	...	...	...
13/11	359227	V0004	Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo	Chi tiền mua dầu HD 359227	1111	787,046	0
30/11	PBL			Phân bổ lương nhân viên	334	20,400,000	0
30/11	KC-000005			KC Chi phí bán hàng vào KQ SXKD	911	0	21,650,009
04/12	384216	V0004	Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo	Chi tiền mua dầu HD 384216	1111	787,176	0
13/12	394705	V0004	Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo	Chi tiền mua dầu HD 394705	1111	787,083	0
25/12	409176	V0004	Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo	Chi tiền mua dầu HD 409176	1111	740,778	0
31/12	PBCP			Phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ	2141	2,124,999	0
31/12	PBL			Phân bổ lương nhân viên	334	20,400,000	0
31/12	KC-000005			KC Chi phí bán hàng vào KQ SXKD	911	0	24,840,036
				Tổng cộng phát sinh		289,845,460	289,845,460
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		289,845,460	289,845,460
				Số dư cuối kỳ		0	0
					Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		

Đồng thời với việc cập nhật số liệu lên sổ chi tiết thì số liệu còn chuyển qua sổ Nhật ký chung (được trình bày trang 82) Sau khi lên sổ Nhật ký chung, số liệu được trích theo tài khoản Sổ cái 642 (được trình bày trang 79)

(2) Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Nội dung kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- Các khoản được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” :
 - + Chi phí lương nhân viên văn phòng
 - + Chi phí cước điện thoại, cáp: Chi phí cước dịch vụ viễn thông
 - + Chi phí ngân hàng
 - + Chi phí phân bổ CPTT, khấu hao TSCĐ
 - + Chi phí mua máy tính xách tay
 - + Chi phí phần mềm xuất hoá đơn
 - + Chi phí thuê xe ô tô
 - + Chi tiền mua xăng
 - + Chi tiền mua bảo hiểm
 - + Chi tiền mua mực in

b) Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - + Hoá đơn GTGT

- + Phiếu chi
- + Bảng thanh toán tiền lương
- + Bảng phân bổ CCDC
- + Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ chi tiết tài khoản 6422
 - + Sổ cái tài khoản 642
 - + Sổ Nhật ký chung
- Tài khoản sử dụng
 - + Tài khoản 6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp ”
 - + Ngoài ra công ty còn mở các tài khoản chi tiết gồm:
 - + Tài khoản 64221 “ Chi phí lương nhân viên văn phòng ”
 - + Tài khoản 64223 “ Chi phí cước điện thoại, cáp ”
 - + Tài khoản 64225 “ Chi phí ngân hàng ”
 - + Tài khoản 64226 “ Chi phí phân bổ CPTT, Khấu hao TSCĐ ”
 - + Tài khoản 64227 “ Chi phí khác ”

c) Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ minh họa các chi phí được hạch toán như sau:

- Trường hợp 1: Chi phí lương của nhân viên văn phòng:
 - + Chi phí lương của nhân viên văn phòng tại công ty được hạch toán vào TK 64221
 - + Theo bảng thanh toán tiền lương (xem trang 66), kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm thông qua phân hệ “Kế toán tổng hợp” → “Phiếu kế toán” (xem giao diện nhập liệu trang 66)
- Trường hợp 2: Chi phí cước dịch vụ viễn thông
 - + Chi phí cước dịch vụ viễn thông sẽ được công ty hạch toán vào TK 64223 “ Chi phí cước điện thoại, cáp ” và khoản này được công ty chi bằng tiền mặt



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25THA
Số: 130534

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 02 tháng 12 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: VIỄN THÔNG ĐÀ NẰNG-TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH)

Mã số thuế: 0400102140

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: Công Ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401782481

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1			Cước dịch vụ Viễn thông- Công nghệ thông tin tháng 11 năm 2025	Tháng	1			10%	190.909

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
-----------	---------------------	----------------

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	190.909
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	19.091
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	210.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Hình 2.23. Hoá đơn GTGT số 130534 ngày 2/12/2025

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 130534, kế toán nhập liệu vào phần mềm thông qua phân hệ “ Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay → Phiếu chi tiền mặt

Phiếu Chi Tiền Mặt Copy

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: KH 74 VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG-TẬP ĐOÀN BƯU CH Người nhận tiền: VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG-TẬP Ngày CT: 02/12/2025

Địa chỉ: Mã nhân viên: Số CT: 130534

Lý do chứng từ: Chi tiền cước dịch vụ viễn thông CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
▶ 64223	1111	190,909	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 130534		
* 64223	1111	0			

Record: 1 of 1

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
▶ K25THA	130534	02/12/2025	10	190,909	19,091		VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG-TẬP DO		0400102140
*			8%						

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ 1331 Ghi Có 1111 Vụ việc

Tổng chưa thuế: 190,909 Tổng hoá đơn: 210,000

Tổng thuế VAT: 19,091 Tổng hạch toán: 210,000

Hình 2.24. Giao diện hạch toán tiền cước dịch vụ viễn thông trên Trí Việt

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0977878440

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU CHI
Số: **130534**
Ngày 02 tháng 12 năm 2025
Nợ: **64223, 1331**
Có: **1111**

Họ tên người nhận tiền: **VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG-TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH)**

Địa chỉ:

Lý do chi: **Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 130534**

Số tiền: **210,000 đồng**
(Viết bằng chữ) **Hai trăm mười ngàn đồng**

Kèm theo: Chứng từ gốc

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người lập biểu (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20

Thủ quỹ (Ký, họ tên) Người nhận tiền (Ký, họ tên)

Hình 2.25. Phiếu chi tiền cước dịch vụ viễn thông theo HĐ 130534

- Trường hợp 3: Chi phí dịch vụ SMS Banking

- + Chi phí dịch vụ SMS Banking hàng tháng sẽ được hạch toán vào tài khoản 64225 “Chi phí ngân hàng”

Ngày 3/12/2025, căn cứ vào số liệu phát sinh trên sổ phụ ngân hàng (được trình bày ở phụ lục Sổ phụ ngân hàng trang 88), kế toán ghi nhận khoản chi phí dịch vụ Smartbanking bằng tiền gửi ngân hàng với số tiền là 55.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Kế toán thực hiện phản ánh nghiệp vụ vào phần mềm Trí Việt. Tại phân hệ “Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → kế toán chọn chức năng “Phiếu chi tiền gửi”

Phiếu Chi Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: AGB, Ngân Hàng Agribank, Người nhận tiền: Ngân Hàng Agribank, Ngày CT: 03/12/2025

Địa chỉ: , Mã nhân viên: , Số CT: 000001

Lý do chứng từ: Phí ngân hàng, CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
64225	1121	55,000	Phí ngân hàng		
* 64225	1121	0			

Record: 1 of 1

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
			8%						

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ 1331, Ghi Có 1121, Vụ việc: , Tổng chưa thuế: , Tổng hoá đơn: , Tổng thuế VAT: , Tổng hạch toán: 55,000

Hình 2.26. Giao diện hạch toán chi phí ngân hàng trên phần mềm Trí Việt

Sau khi các nghiệp vụ phát sinh được nhập liệu vào phần mềm sẽ tự động lên Sổ chi tiết TK 6422:

Bảng 2.9. Sổ chi tiết TK 6422

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

CHUNG TỬ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
01/01	113193	V0002	Trung Tâm Kinh Doanh VNPT - Đà Nẵng	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 1131	1111	190,909	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/10	KC-000008			KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	911	0	88,000
31/10	KC-000009			KC Chi phí khác vào KQ SXKD	911	0	27,314,954
02/11	103493	KH_74	VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG-TẬP ĐOÀN	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 1034	1111	190,909	0
02/11	103670	KH_74	VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG-TẬP ĐOÀN	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 1036	1111	150,000	0
04/11	000001	AGB	Ngân Hàng Agribank	Phi ngân hàng	1121	55,000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
21/12	403941	V0004	Công Ty TNHH TMDV Việt Thảo	Chi tiền mua xăng HĐ 403941	1111	462,963	0
31/12	7284	V0006	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Visnam	Phần mềm HĐ 7284	331	1,800,000	0
31/12	006085			Phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ	242	1,089,204	0
31/12	PBL			Phân bổ lương nhân viên	334	10,200,000	0
31/12	KC-000006			KC Chi phí lương nhân viên vào KQ SXK	911	0	10,200,000
31/12	KC-000007			KC Chi phí cước điện thoại, cáp vào KQ	911	0	340,909
31/12	KC-000008			KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	911	0	55,000
31/12	KC-000009			KC Chi phí khác vào KQ SXKD	911	0	2,864,741
				Tổng cộng phát sinh		261,854,726	261,854,726
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		261,854,726	261,854,726
				Số dư cuối kỳ		0	0
Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người ghi sổ		Kế toán trưởng				Giám đốc	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)	

Đồng thời với việc cập nhật số liệu lên sổ chi tiết thì số liệu còn được chuyển qua Sổ Nhật ký chung (được trình bày tại trang 83), sau khi vào sổ Nhật ký chung thì số liệu còn được tổng hợp theo từng tài khoản lên Sổ cái 642:

Bảng 2.10. Sổ cái TK 642

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát
49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

CHUNG TỬ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
01/01	113193	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 113193	1111	190,909	0
...	...	...	...	...	...
02/12	130534	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 130534	1111	190,909	0
02/12	130710	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 130710	1111	150,000	0
03/12	000001	Phi ngân hàng	1121	55,000	0
...	...	...	...	...	...
25/12	409176	Chi tiền mua dầu HD 409176	1111	740,778	0
31/12	7284	Phần mềm HD 7284	331	1,800,000	0
31/12	006085	Phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ	242	1,089,204	0
31/12	006085	Phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ	2141	2,124,999	0
31/12	006085	Phân bổ chi phí trả trước, khấu hao TSCĐ	242	3,075,885	0
31/12	PBL	Phân bổ lương nhân viên	334	10,200,000	0
31/12	PBL	Phân bổ lương nhân viên	334	20,400,000	0
31/12	KC-000005	KC Chi phí bán hàng vào KQ SXKD	911	0	22,715,037
31/12	KC-000006	KC Chi phí lương nhân viên vào KQ SXKD	911	0	10,200,000
31/12	KC-000007	KC Chi phí cước điện thoại, cáp vào KQ SXKD	911	0	340,909
31/12	KC-000008	KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	911	0	55,000
31/12	KC-000009	KC Chi phí khác vào KQ SXKD	911	0	2,864,741
		Tổng cộng phát sinh		551,700,186	551,700,186
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		551,700,186	551,700,186
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....

kế toán trưởng

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác tại công ty

Trong năm 2025, công ty không phát sinh các khoản chi phí khác

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty

a) Nội dung kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- Cuối năm, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán tổng hợp tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

b) Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - + Tờ khai quyết toán thuế TNDN
 - + Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 821
 - + Sổ chi tiết TK 821
- Tài khoản sử dụng
 - + Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

c) Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty

Trong năm 2025, công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Tuy nhiên do doanh nghiệp còn khoản lỗ được chuyển từ các năm trước sang nên sau khi thực hiện bù trừ lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty không phát sinh thu nhập tính thuế. Vì vậy trong năm doanh nghiệp không phát sinh thuế TNDN phải nộp.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh và số lỗ còn được chuyển từ các năm trước, kế toán tiến hành lập Phụ lục chuyển lỗ mẫu số 03-2/TNDN kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm xác định số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế năm 2025.

**PHỤ LỤC
CHUYỂN LỖ**
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-2/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch Vụ Gia Văn Phát
[03] Mã số thuế: 0401782481

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I Lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ					
1	2020	128.582.157	14.584.117	113.998.040	0
2	2021	210.098.117	0	121.209.609	88.888.508
3	2022	9.154.493	0	0	9.154.493
4	2023	14.112.572	0	0	14.112.572
5	2024	0	0	0	0
Tổng cộng				235.207.649	
II Lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ					
1	2020	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0
3	2022	0	0	0	0
4	2023	0	0	0	0
5	2024	0	0	0	0
Tổng cộng				0	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai/...

Ngày 23 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Hữu Minh

Ghi chú:

- Số liệu chỉ tiêu [04] được tổng hợp vào chỉ tiêu C3a của Tờ khai 03/TNDN;
- Số liệu chỉ tiêu [05] được tổng hợp vào chỉ tiêu D2 của Tờ khai 03/TNDN.

Hình 2.27. Phụ lục chuyển lỗ

Trên phần mềm HTKK, kế toán thực hiện thao tác: Vào “Thuế thu nhập doanh nghiệp” → “Quyết toán thuế TNDN mẫu 03/TNDN” → chọn “Phụ lục chuyển lỗ mẫu 03-2/TNDN”. Sau khi nhập số liệu các khoản lỗ được chuyển từ các năm trước, phần mềm tự động xác định số lỗ được chuyển trong kỳ và số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo.

Tờ khai Thuế TNDN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch Vụ Gia Văn Phát

[07] Mã số thuế: 0401782481

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	235.207.649
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	235.207.649
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	235.207.649
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	235.207.649
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	235.207.649
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	235.207.649
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BDS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BDS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BDS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở	G5	0

H Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp		H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=H1+H2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 23 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Nguyễn Hữu Minh

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BDS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Đi kèm với Tờ khai quyết toán thuế TNDN là Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch Vụ Gia Văn Phát
 [03] Mã số thuế: 0401782481

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT (1)	Chi tiêu (2)	Mã chi tiêu (3)	Số tiền (4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	2.594.309.381
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	154.428
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	154.428
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	2.457.689.789
a	Giá vốn hàng bán	[13]	1.905.989.603
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	551.700.186
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	136.774.020
7	Thu nhập khác	[19]	98.433.629
8	Chi phí khác	[20]	0
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	98.433.629
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	235.207.649

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 23 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Hữu Minh

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu AI của Tờ khai 03/TNDN

Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

a) Nội dung xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả đạt được cuối cùng từ việc hoạt động kinh doanh và cũng từ các hoạt động khác của công ty sau một thời gian nhất định, và nó được biểu hiện thông qua số tiền lãi hoặc lỗ. Cuối kỳ, từ các tài khoản liên quan: 511, 515, 632, 642, 711, 811, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

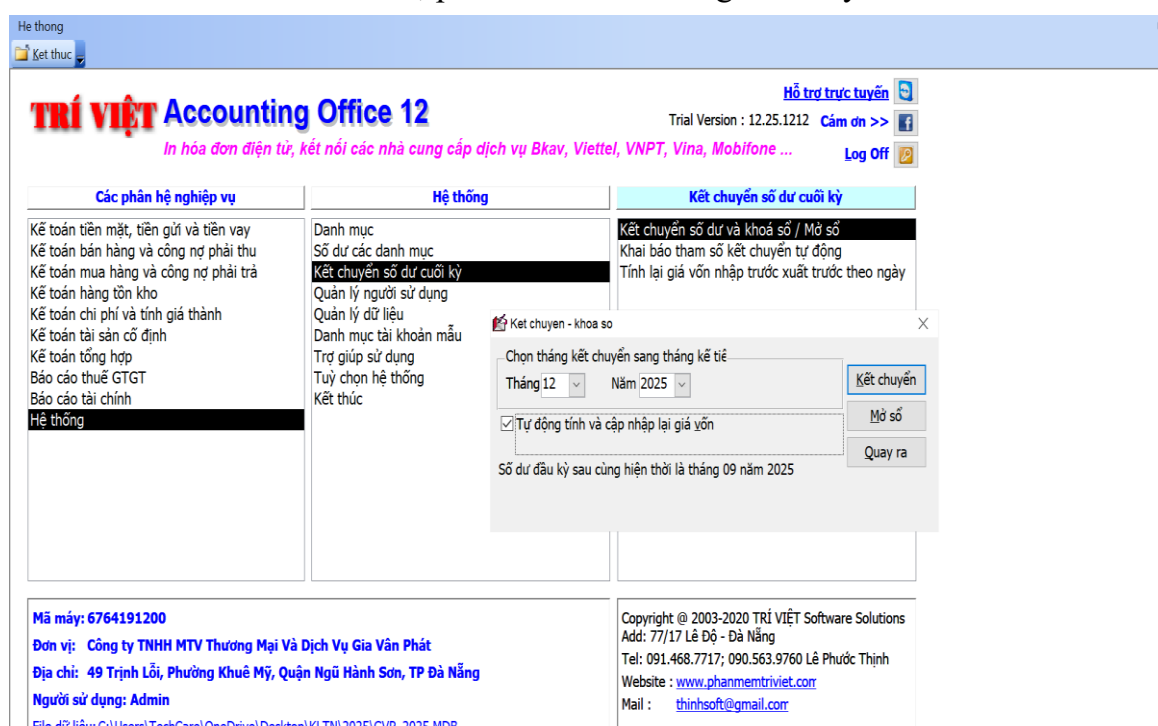
b) Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
- + Phiếu kết chuyển
- Sổ sách sử dụng

- + Sổ chi tiết TK 911
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 911
- Tài khoản sử dụng
 - + TK 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”

c) Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Cuối kỳ, sau khi đã kiểm tra tất cả số liệu đã khớp, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong năm. Vào phân hệ “Hệ thống” → Chọn “Kết chuyển số dư cuối kỳ” → Nhấn “Kết chuyển số dư và Khoá sổ/Mở sổ” → , phần mềm sẽ tự động kết chuyển.



Hình 2.28. Giao diện kết chuyển số dư cuối kỳ trên phần mềm Trí Việt

Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu vào phần mềm còn chuyển số liệu vào Sổ Nhật ký chung được trình bày trang 83

Sau khi kết chuyển số liệu sẽ được trích theo tài khoản sổ cái 911 như sau:

Bảng 2.11. Sổ cái tài khoản 911

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát					
49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh					
CHUNG TỬ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
31/01	KC-000001	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	6,704,409
31/01	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	161,653,443
....					
31/12	KC-000001	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	16,999,277
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	295,054,968
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	15,720
31/12	KC-000004	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	194,131,169	0
31/12	KC-000005	KC Chi phí bán hàng vào KQ SXKD	6421	22,715,037	0
31/12	KC-000006	KC Chi phí lương nhân viên vào KQ SXKD	64221	10,200,000	0
31/12	KC-000007	KC Chi phí cước điện thoại, cáp vào KQ SXKD	64223	340,909	0
31/12	KC-000008	KC Chi phí ngân hàng vào KQ SXKD	64225	55,000	0
31/12	KC-000009	KC Chi phí khác vào KQ SXKD	64227	2,864,741	0
31/12	KC-000010	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	81,763,109	0
		Tổng cộng phát sinh		2,708,907,722	2,708,907,722
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,708,907,722	2,708,907,722
		Số dư cuối kỳ		0	0
				Ngày.....tháng.....năm.....	
				kế toán trưởng	

Phụ lục báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

PHỤ LỤC		Mẫu số: B02		
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		- DNN		
		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)		
Năm 2025				
[02] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát				
[03] Mã số thuế: 0401782481				
Đơn vị tiền: đồng Việt Nam				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.594.309.381	2.677.284.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		2.594.309.381	2.677.284.718
4. Giá vốn hàng bán	11		1.905.989.603	2.116.473.087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		688.319.778	560.811.631
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		154.428	126.320
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		551.700.186	549.773.921
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		136.774.020	11.164.030
10. Thu nhập khác	31		98.433.629	93.771.900
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		98.433.629	93.771.900
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		235.207.649	104.935.930
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		235.207.649	104.935.930
NGƯỜI LẬP BIỂU (Ký, Ghi rõ họ tên)		KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, Ghi rõ họ tên)		Lập ngày 23 tháng 03 năm 2026
				NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT (Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu) Nguyễn Hữu Minh

Sổ nhật ký chung năm 2025

Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Văn Phát 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Mẫu số S03a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)
--	--

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NG Ghi SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	E ghi số cải	Số h TK đoi ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
01/01	113193	01/01	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 113193				
			Tiền mặt Việt Nam	X	1111	0	210,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	19,091	0
			Chi phí cước điện thoại, cáp	X	64223	190,909	0
17/11	000014	17/11	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000883				
			Tiền mặt Việt Nam	X	1111	2,862,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	2,862,000
17/11	880	17/11	Bán hàng HĐ 880				
			Phải thu của khách hàng	X	131	15,935,000	0
			Hàng hóa	X	156	0	11,730,147
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	1,180,372
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	14,754,628
			Giá vốn hàng bán	X	632	11,730,147	0
30/11	926	30/11	Bán hàng HĐ 926				
			Phải thu của khách hàng	X	131	1,000,000	0
			Hàng hóa	X	156	0	548,435
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	74,074
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	925,926
			Giá vốn hàng bán	X	632	548,435	0
30/11	927	30/11	Bán hàng HĐ 927				
			Phải thu của khách hàng	X	131	4,080,000	0
			Hàng hóa	X	156	0	2,242,705
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	302,223
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	3,777,777
			Giá vốn hàng bán	X	632	2,242,705	0

02/12	000063	02/12	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000943				
			Tiền mặt Việt Nam	X	1111	250,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	250,000
02/12	130534	02/12	Chi tiền cước dịch vụ viễn thông HĐ 130534				
			Tiền mặt Việt Nam	X	1111	0	210,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	19,091	0
			Chi phí cước điện thoại, cáp	X	64223	190,909	0
03/12	000001	03/12	Phí ngân hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	55,000
			Chi phí ngân hàng	X	64225	55,000	0
25/12	409176	25/12	Chi tiền mua đầu HĐ 409176				
			Tiền mặt Việt Nam	X	1111	0	800,040
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331	59,262	0
			Chi phí bán hàng	X	6421	740,778	0
31/12	000002	31/12	Thanh toán tiền hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	220,000,000
			Phải trả cho người bán	X	331	220,000,000	0
31/12	0000088	31/12	Thu hồi nợ				
			Tiền Việt Nam	X	1121	6,000,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	6,000,000
31/12	0000089	31/12	Thu hồi nợ HĐ 1052				
			Tiền Việt Nam	X	1121	2,750,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	2,750,000
31/12	0000090	31/12	Lãi ngân hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1121	15,720	0
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	0	15,720

[illegible]

CHƯƠNG III: MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA VÂN PHÁT

3.1. Những nhận xét, đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

3.1.1. Nhận xét chung về công ty

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị được tổ chức tương đối phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận khá đầy đủ và kịp thời thông qua phần mềm kế toán Trí Việt.

Bên cạnh đó, hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán được thực hiện tương đối đầy đủ theo quy định hiện hành. Công ty cũng đã mở các tài khoản chi tiết để theo dõi từng khoản mục chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, kiểm tra và xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

3.1.2. Ưu điểm

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty được tổ chức tương đối phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh thương mại.

- Về tổ chức công tác kế toán: Bộ phận kế toán được phân công công việc khá rõ ràng, các nghiệp vụ phát sinh được xử lý tương đối kịp thời.

- Về hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán: Các chứng từ như hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu chi, ủy nhiệm chi,... được lập và lưu trữ tương đối đầy đủ. Hệ thống sổ sách kế toán được thực hiện theo đúng quy định hiện hành, phục vụ thuận lợi cho công tác theo dõi và tổng hợp số liệu cuối kỳ.

- Về hệ thống tài khoản kế toán: Công ty đã mở các tài khoản chi tiết để theo dõi riêng từng khoản mục chi phí như chi phí lương, chi phí viễn thông, chi phí ngân hàng, chi phí thuế và lệ phí,... giúp việc theo dõi chi phí phát sinh được rõ ràng và thuận tiện hơn trong quá trình hạch toán.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin: Công ty sử dụng phần mềm kế toán Trí Việt trong công tác kế toán, hỗ trợ cho việc nhập liệu, ghi sổ và tổng hợp số liệu. Một số nghiệp vụ như doanh thu, giá vốn và lên sổ kế toán được phần mềm hỗ trợ cập nhật tự động, góp phần giảm bớt khối lượng công việc thủ công cho kế toán.

3.1.3. Nhược điểm

- Một số khoản chiết khấu nhận được từ nhà cung cấp hiện đang được công ty

hạch toán vào TK 711 – Thu nhập khác. Việc hạch toán này chưa phản ánh đúng hoàn toàn bản chất của nghiệp vụ, do khoản chiết khấu phát sinh chủ yếu liên quan trực tiếp đến hoạt động mua hàng của doanh nghiệp.

- Công ty thực hiện tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền trên phần mềm kế toán Trí Việt. Tuy nhiên, việc cập nhật đơn giá vốn thực tế thường được thực hiện sau khi kế toán tiến hành thao tác tính giá xuất kho và khóa sổ cuối kỳ. Vì vậy, trong quá trình theo dõi nghiệp vụ phát sinh hằng ngày, số liệu giá vốn trên phần mềm có thể mang tính tạm thời trước khi được cập nhật hoàn chỉnh vào cuối kỳ kế toán.

- Do quy mô công ty còn nhỏ nên một số công việc kế toán vẫn còn tình trạng kiêm nhiệm giữa các phần hành. Kế toán nội bộ vừa thực hiện theo dõi doanh thu, công nợ, hàng tồn kho vừa đảm nhận việc lập và kiểm tra chứng từ phát sinh trong ngày, nên vào thời điểm cuối tháng khối lượng công việc tương đối nhiều.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát

3.2.1. Về khoản thu nhập khác

Đối với các khoản chiết khấu được hưởng từ nhà cung cấp, công ty nên thực hiện hạch toán giảm giá trị hàng mua hoặc giảm giá vốn hàng bán thay vì ghi nhận vào TK 711 – Thu nhập khác như hiện nay. Bởi lẽ, khoản chiết khấu này phát sinh trực tiếp từ hoạt động mua hàng của doanh nghiệp nên về bản chất đây là khoản làm giảm chi phí kinh doanh, không phải khoản thu nhập khác phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Việc hạch toán khoản chiết khấu vào TK 711 sẽ làm tăng khoản thu nhập khác trong kỳ, từ đó làm tăng lợi nhuận kế toán trước thuế và ảnh hưởng đến số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Đồng thời, số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng chưa phản ánh đúng bản chất của nghiệp vụ phát sinh do doanh thu và thu nhập khác bị ghi nhận cao hơn thực tế.

Vì vậy, công ty nên thực hiện điều chỉnh hạch toán theo hướng ghi giảm giá vốn hàng bán hoặc giảm giá trị hàng hóa mua vào. Khi đó, số liệu trên TK 711 – Thu nhập khác sẽ giảm, đồng thời giá vốn hàng bán được phản ánh hợp lý hơn. Bên cạnh đó, lợi nhuận kế toán trước thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ cũng sẽ thay đổi phù hợp với bản chất của nghiệp vụ phát sinh.

3.2.2. Về công tác tính giá vốn hàng bán

Công ty thực hiện tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền trên phần mềm kế toán Trí Việt. Tuy nhiên, việc cập nhật đơn giá vốn thực tế thường

được thực hiện sau khi kế toán tiến hành thao tác tính giá xuất kho và khóa sổ cuối kỳ. Vì vậy, trong quá trình theo dõi nghiệp vụ phát sinh hằng ngày, số liệu giá vốn trên phần mềm có thể mang tính tạm thời trước khi được cập nhật hoàn chỉnh vào cuối kỳ kế toán.

Do đó, công ty nên thường xuyên kiểm tra và cập nhật giá xuất kho định kỳ nhằm giúp số liệu giá vốn được phản ánh kịp thời và sát với tình hình thực tế hơn. Điều này cũng góp phần hỗ trợ kế toán thuận lợi hơn trong quá trình theo dõi doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2.3. Về tổ chức công việc kế toán

Do quy mô công ty còn nhỏ nên một số công việc kế toán vẫn còn tình trạng kiêm nhiệm giữa các phần hành. Kế toán nội bộ vừa thực hiện theo dõi doanh thu, công nợ, hàng tồn kho vừa đảm nhận việc lập và kiểm tra chứng từ phát sinh trong ngày, nên vào thời điểm cuối tháng khối lượng công việc tương đối nhiều.

Vì vậy, công ty nên có sự phân chia công việc hợp lý hơn giữa các phần hành kế toán nhằm giảm áp lực công việc vào thời điểm cuối kỳ. Đồng thời, cần tăng cường kiểm tra và đối chiếu số liệu thường xuyên để hạn chế sai sót trong quá trình hạch toán và ghi sổ kế toán.

→ Tóm lại, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát được tổ chức tương đối phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp. Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán được lập và luân chuyển theo đúng quy định, đồng thời công ty có sử dụng phần mềm kế toán Trí Việt nhằm hỗ trợ công tác hạch toán và tổng hợp số liệu kế toán. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kế toán tại công ty vẫn còn một số hạn chế đã được nêu ở trên. Trong thời gian tới, công ty cần tiếp tục hoàn thiện công tác kế toán theo hướng phát huy những ưu điểm hiện có và khắc phục những hạn chế còn tồn tại như cập nhật giá vốn kịp thời hơn, hạch toán đúng bản chất các khoản chiết khấu được hưởng và phân chia công việc kế toán hợp lý giữa các phần hành.

KẾT LUẬN

Trong thời gian học tập tại trường và thực tập tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát, em nhận thấy giữa kiến thức lý thuyết và thực tế công việc luôn có sự liên hệ chặt chẽ với nhau. Quá trình thực tập đã giúp em có cơ hội tiếp cận thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp, đồng thời hiểu rõ hơn vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong hoạt động của công ty.

Thông qua việc nghiên cứu đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát”, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty được tổ chức tương đối phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện khá đầy đủ, góp phần hỗ trợ cho công tác quản lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của ban lãnh đạo. Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện. Trên cơ sở lý luận đã học và quá trình tìm hiểu thực tế tại đơn vị, khóa luận đã đưa ra một số nhận xét và đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trong thời gian tới.

Do thời gian thực tập và kiến thức thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, đặc biệt là giảng viên hướng dẫn Huỳnh Thị Trang đã tận tình giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Đồng thời, em cũng xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo cùng các anh chị phòng kế toán tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát đã tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành đề tài này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu kế toán của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Gia Vân Phát
2. Thông tư 133/2016/TT-BTC chế độ kế toán vừa và nhỏ
3. Các văn bản: Luật kế toán, các thông tư và nghị định
4. Một số khoá luận của anh chị khoá trước

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Sổ phụ ngân hàng

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
13/11/2025	CTY THANH DO CNDN THANH TOAN TIEN NUOC UONG DONG CHAI THANG 10 2025		750,000	91,003,324	95924580
14/11/2025	Thanh toán tiền nước uống van phong hoa đơn số 842 ngày 04.11.2025 / Pay to Gia Van Phat drinking water for Sales office inv 842 date 04.11.2025		500,000	91,503,324	2130954
14/11/2025	07-VTB DN-TT chi phí nước uống tháng 10.25 SIS DN HD751,744,784,803/Pf drinking water in Oct 25		9,600,000	101,103,324	4799544
15/11/2025	HWC TT HD 876 nước uống thạch bích		250,000	101,353,324	8251565
18/11/2025	3026748 TAINV32 THANH TOAN CHI PHI CHUONG TRINH HOI THAO PHU HUYNH NAM HOC 2025 2026 3026748/		1,125,000	102,478,324	7062962
18/11/2025	TT Gia Van Phat tiền nước uống 10.2025 inv825/ Pay to Gia Van Phat for water in 10.2025 inv 825		11,099,998	113,578,322	9586399
19/11/2025	THANH TOAN CP CAP NUOC UONG THANG 10.2025 HD 831		4,320,000	117,898,322	5129458
20/11/2025	VINATECH DA NANG chuyen tien nước uống Gia Van Phat		300,000	118,198,322	8260796
20/11/2025	3013773 TAINV32 THANH TOAN CHI PHI CHUONG TRINH HOI THAO NAM HOC 2025 2026 3013773/		375,000	118,573,322	248392
20/11/2025	SL CONG TY CP DUONG QNGAI CHUYEN TIEN KKBH T10.2025.		11,449,563	130,022,885	1752926
24/11/2025	HUYNH THI HONG NHUNG chuyen TT FT25328406083904		2,100,000	132,122,885	92896551
25/11/2025	Thu phí quản lý tài khoản tháng 11 quy 4 năm 2025	11,000		132,111,885	
25/11/2025	ONLINE 3077531 NGUYETTLTM CHI PHI VPP VA NUOC UONG THANG 11 3077531/		1,800,000	133,911,885	8724642
26/11/2025	CTY VIEN SON TT SHD 892		500,000	134,411,885	4753769
27/11/2025	Cong ty gia an chuyen tien nước khoáng bình hoa đơn 912 FT25331189256087		500,000	134,911,885	98512385
27/11/2025	Truong Cao dang Du lich Da NangThanh toán cho số chung tu: 251126_1095746_0168006		2,500,000	137,411,885	29029239
28/11/2025	NGUYEN HUU MINH nộp tiền :		34,000,000	171,411,885	
28/11/2025	CTY TNHH MTV TM DV GIA VAN PHAT TRA TIEN HANG NUOC KHOANG THACH BICH	170,000,000		1,411,885	
29/11/2025	Homemarket chuyen tien		2,333,000	3,744,885	93811583
30/11/2025	Lãi tiền gửi		14,166	3,759,051	
01/12/2025	Duc Nguyen TT tiền Gia Van Phat HD 880 933		28,045,000	31,804,051	3868305
02/12/2025	Fcity TT chi phí nước uống bình Ban QLDA theo HD số 625,819		3,900,000	35,704,051	92089413
03/12/2025	Phi DV SMS Banking T11/2025	55,000		35,649,051	
03/12/2025	XI NGHIEP LUOI DIEN CAO THE DA NANG chuyen tien Cty TNHH MTV TM Va DV Gia Van Phat TK: 2006201006371 tại Agribank thanh toán tiền nước uống (HD:924 ngày 28/11/2025)		2,352,000	38,001,051	7229663

Chi nhánh: Agribank Chi nhánh Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng
Địa chỉ: 470A Le Van Hien, Ngũ hành son, Da nang
Điện thoại/Fax: (84) 0236 3847396/(84) 0236 3836309



Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
05/12/2025	ONLINE 3102299 THAOCTP4 THANH TOAN CP NUOC UONG T11.2025/		28,742,998	66,744,049	6948921
05/12/2025	NHA KHACH QUOC HOI TAI DA NANG chuyen tien NUOC UONG BINH CUA NV T11.25 HD 917 27.11.25 Cty TNHH MTV TM Va DV Gia Van Phat TK: 2006201006371 tại Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank		4,000,000	70,744,049	386309
05/12/2025	Feity TT chi phi nuoc uong binh Ban QLDA theo HD so 925		1,300,000	72,044,049	91403513
08/12/2025	HWC chuyen tien 5 binh nuoc Thach Bich		250,000	72,294,049	5594837
08/12/2025	CONG TY DIEN LUC DA NANG-CHI NHANH TONGCONG TY DIEN LUC MIEN TRUNG CT CAP NUOC UONG T11.25 HD 923 Cty TNHH MTV TM Va DV Gia Van Phat TK: 2006201006371 tại Agribank		3,424,000	75,718,049	6293256
11/12/2025	//SAL2025344S065054966003//Cong ty AA Window thanh toan		1,150,000	76,868,049	3006929
11/12/2025	CTY TAN MINH NHAN CHUYEN TIEN MUANUOC THACH BICH		1,472,727	78,340,776	5289797
11/12/2025	CTY TNHH MOT THANH VIEN MV NAM LONG chuyen tien Cty TNHH MTV TM Va DV Gia Van Phat TK: 2006201006371 tại Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank TT TIEN NUOC		613,324	78,954,100	5703071
12/12/2025	Seong Mo thanh toan nuoc Thach Bich thang 11.2025		1,000,000	79,954,100	91324820
13/12/2025	Toyota Okayama Da Nang thanh toan hoa don so 928 ngay 30.11.2025		5,500,000	85,454,100	97613038
15/12/2025	3102598 TRANGHTY THANH TOAN CHI PHI CHUONG TRINH TEACHERS FOR LIFE 2025 DOT 2 3102598/		1,125,000	86,579,100	7077991
15/12/2025	CONG TY DIEN LUC DA NANG-CHI NHANH TONGCONG TY DIEN LUC MIEN TRUNG chuyen tien CP CAP NUOC UONG T12.25 HD 948 Cty TNHH MTV TM Va DV Gia Van Phat TK: 2006201006371 tại Agribank		960,000	87,539,100	9125790
16/12/2025	06-VTB DN-TT chi phi nuoc uong thang 11.25 HD855,873,897,899,922/Pf drinking water in Nov 25		10,000,000	97,539,100	4466510
18/12/2025	CTCP DUONG QUANG NGAI CHI KKBH T11 2025		6,945,769	104,484,869	6880266
18/12/2025	DOI DV DL DA NANG-CTDV DL MT-TCT DL MT THANH TOAN CHI PHI NUOC UONG THANG 11 NAM 2025 THEO HD 973-DAN TK: 2006201006371 tại Ngan hang Nong nghiep va Phat trien Nong thon Viet Nam Agribank		2,480,000	106,964,869	7248761
19/12/2025	ONLINE 3095609 TAINV32 THANH TOAN CHUONG TRINH LIGHT UP CUOC THI HAT TIENG ANH DOT 2 3095609/		750,000	107,714,869	617127

Chi nhánh: Agribank Chi nhánh Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng
Địa chỉ: 470A Lê Văn Hiến, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Điện thoại/Fax: (84) 0236 3847396/(84) 0236 3836309

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
22/12/2025	TT Gia Van Phat tien nuoc thang 11.2025 inv918/ Pay to Gia Van Phat for water in 11.2025 inv 918		7,749,999	115,464,868	8773584
22/12/2025	ONLINE 3112208 TRANGHTY THANH TOAN NUOC UONG, IN DONG PHUC BONG DA VA TEABREAK GAP MAT DONG VIEN HOI THAO CAP PHUONG/		2,105,000	117,569,868	646980
22/12/2025	ONLINE 3121789 NGUYETTLTM CHI PHI VPP VA NUOC UONG THANG 12 3121789/		1,800,000	119,369,868	651734
23/12/2025	Phong Kinh te, Ha tang va Do thi phuong Ngũ Hành Sơn Thanh toán cho số chung tu: M251220_1146421_0168706		1,050,000	120,419,868	24445053
23/12/2025	Homemarket chuyen tien		5,166,000	125,585,868	95739162
24/12/2025	Truong Cao dang Du lich Da Nang Thanh toán cho số chung tu: 251223_1095746_0168001		2,500,000	128,085,868	22335773
25/12/2025	XI NGHIEP LUOI DIEN CAO THE DA NANG chuyen tien Cty TNHH MTV TM Va DV Gia Van Phat TK: 2006201006371 THANH TOAN TIEN NUOC UONG (HD 1013 NGÀY 24/12/2025		2,496,000	130,581,868	6754389
25/12/2025	ONLINE 3117340 TIENNV62 TT CHI PHI NUOC CHAI THACH BICH TEAMBUILDING CUOI NAM VA STEM DAY/		2,475,000	133,056,868	7988814
25/12/2025	Cty Kim Long Motor Hue thanh toán chi phí nước uống tại văn phòng 16 Trần Phú tháng 11.2025 HD 939		3,150,000	136,206,868	8117685
30/12/2025	CONG TY DIEN LUC DA NANG-CHI NHANH TONGCONG TY DIEN LUC MIEN TRUNG chuyen tien CP CAP NUOC T12.25 HD 1014 Cty TNHH MTV TM Va DV Gia Van Phat TK: 2006201006371 tại Agribank		2,176,000	138,382,868	4276752
30/12/2025	Onelink paid water fee inv 1003/TT tien nuoc HD 1003		850,000	139,232,868	4482840
30/12/2025	Nuoc uong Nam Da Nang thang 112025 theo HD996		250,000	139,482,868	96113379
30/12/2025	ONLINE 3135989 THAOCTP4 THANH TOAN CHI PHI NUOC KHOANG THIEN NHIEU THACH BICH T12.2025/		28,313,998	167,796,866	6548083
30/12/2025	CONG TY DIEN LUC DA NANG-CHI NHANH TONGCONG TY DIEN LUC MIEN TRUNG chuyen tien CP CAP NUOC UONG T12.25 HD 971 Cty TNHH MTV TM Va DV Gia Van Phat TK: 2006201006371 tại Agribank		1,000,000	168,796,866	6780741
30/12/2025	Feity TT chi phí nước uống bình Ban QLDA theo HD số 1030		2,350,000	171,146,866	97350640
30/12/2025	TRUNG TAM PHUC VU HANH CHINH CONG PHUONG NGU HANH SON Thanh toán cho số chung tu: 251229_1149987_0168021		2,250,000	173,396,866	27439987
31/12/2025	NGUYEN HUU MINH nộp tiền :		50,000,000	223,396,866	
31/12/2025	CTY GIA VAN PHAT TRA TIEN HANG NUOC KHOANG THACH BICH	220,000,000		3,396,866	

Chi nhánh: Agribank Chi nhánh Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng Địa chỉ: 470A Le Van Hien, Ngũ hành son, Da nang Điện thoại/Fax: (84) 0236 3847396/(84) 0236 3836309						 Mạng phân thịnh đều khách hàng
Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no	
			6,000,000	9,396,866	92649181	
31/12/2025	Toyota Okayama Da Nang thanh toán hóa đơn số 1045 ngày 30.12.2025 nước khoảng bình 18.9 lít					
31/12/2025	TT tiền nướng uống đóng chai nhà DN - 55 bình theo hóa đơn 1052		2,750,000	12,146,866	93277878	
31/12/2025	Lãi tiền gửi		15,720	12,162,586		

Phụ lục 2: Phiếu thu tiền mặt HD 30/11/2025

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Vân Phát
Địa chỉ: 49 Trịnh Lỗi, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0977878440

Mẫu số 01 -TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 30 tháng 11 năm 2025

Số: 000020
Ng: 1111
Có: 131

Họ tên người nộp tiền: Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Và Đầu Tư Pegasus

Địa chỉ: Khu Đô Thị Mới Phú Mỹ An, Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000927

Số tiền: 4,080,000 đồng

(Viết bằng chữ) Bốn triệu tám mươi ngàn đồng

Kèm theo: 927 Chứng từ gốc

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Người nộp
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)